

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Nguyễn Thị Mỹ

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG
DU LỊCH MÙA THẤP ĐIỂM TẠI CÁT BÀ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Sinh viên : Nguyễn Thị Mỹ

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Mỹ **Mã SV:** 1512405009

Lớp : DL1901 **Ngành:** Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

Tên đề tài: Thực trạng và giải pháp phát triển hoạt động du lịch mùa
thấp điểm tại Cát Bà

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Giới thiệu tổng quan về khu du lịch Cát Bà
- Đánh giá tài nguyên du lịch tại khu du lịch Cát Bà
- Tìm hiểu về thực trạng và những thiếu sót về dịch vụ phát triển du lịch tại Cát Bà.
- Phân tích thực trạng du lịch mùa thấp điểm của đảo Cát Bà
- Đề ra giải pháp phát triển, cung cấp thêm dịch vụ, thu hút khách du lịch mùa thấp điểm.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Số liệu doanh thu đạt được
- Số lượng khách du lịch đến với Cát Bà

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty du lịch Biển Xanh, Vĩnh Bảo – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Vũ Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn : Thực trạng và giải pháp phát triển hoạt động du lịch mùa thấp điểm tại Cát Bà

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 20 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 12 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS. Vũ Thị Thanh Hương
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Mỹ
Chuyên ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Đề tài tốt nghiệp: Thực trạng và giải pháp phát triển hoạt động du lịch mùa thấp điểm tại Cát Bà

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu để phục vụ nội dung nghiên cứu.
- Có ý thức kỷ luật tốt, chăm chỉ, chịu khó học hỏi.
- Hoàn thành đề tài đúng thời hạn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về lý luận, tác giả đã nêu khái quát, phân tích và đưa ra các cơ sở lý luận về kiến trúc Nhà Thờ, đạo Công Giáo.
- Về thực tiễn, tác giả đã nêu và đánh giá thực trạng và có giải pháp, một số đề xuất nhằm phát triển du lịch tâm linh ở Nhà Thờ Bác Trạch-Thái Bình.
- Đề tài đáp ứng yêu cầu đề ra về lý luận và thực tiễn, đạt chất lượng tốt của khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Vũ Thị Thanh Hương

LỜI CẢM ƠN

Trải qua quá trình gần 4 năm học tập và trau dồi kiến thức tại trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng được làm đề tài khóa luận tốt nghiệp thực sự là một niềm vinh dự lớn lao đối với em. Đầu tiên cho phép em được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới các thầy cô giáo trong trường đã giảng dạy và truyền đạt cho em những kiến thức, cũng như những kinh nghiệm thực tế.

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Vũ Thị Thanh Hương đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình học tập cũng như thời gian làm khóa luận.

Đồng thời em cũng xin gửi lời cảm ơn đến Ban Quản lý khu du lịch Cát Bà, Sở du lịch Hải Phòng đã tạo điều kiện, cung cấp những số liệu, tình hình thực tế về hoạt động du lịch tại đó giúp em hoàn thành khóa luận của mình.

Tuy nhiên, vì điều kiện thời gian, kiến thức cũng như kinh nghiệm bản thân còn hạn chế nên khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Nguyễn Thị Mỹ

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1.Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu	2
3.Giới hạn của đề tài.....	2
4.Nhiệm vụ của đề tài.....	2
5. Đối tượng nghiên cứu.....	2
6.Phương pháp nghiên cứu	3
7. Kết cấu của đề tài	3
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	4
1.1. Khái quát về du lịch.....	4
1.1.1. Du lịch.....	4
1.1.2. Khách du lịch	5
1.1.4.Tài nguyên du lịch	6
1.2.Kinh doanh du lịch	12
1.2.1.1.Khái niệm về sản phẩm du lịch	12
1.2.2.Dịch vụ du lịch	16
1.3.1.Định nghĩa thời vụ du lịch	18
1.3.2.Định nghĩa về quy luật thời vụ trong du lịch.....	18
1.3.3.Đặc điểm của tính thời vụ trong du lịch.....	18
1.4.Các nhân tố ảnh hưởng đến tính thời vụ trong du lịch.....	22
1.4.1.Nhân tố tự nhiên	22
1.4.2.Nhân tố về kinh tế - xã hội – tâm lý.....	23
1.4.3.Nhân tố mang tính tổ chức –kỹ thuật	25
1.5.Các biện pháp khắc phục tính bất lợi của thời vụ du lịch	26
1.5.1.Xác định khả năng kéo dài thời vụ du lịch:	26
1.5.2.Hình thành thời vụ du lịch thứ hai trong năm:	26
1.5.3.Nghiên cứu thị trường:	27
1.5.4.Nâng cao sự sẵn sàng đón tiếp du khách quanh năm cho cả nước, vùng và khu du lịch:	27
1.5.5.Sử dụng tích cực các động lực kinh tế:	27
Tiểu kết chương 1:	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VÀ TÍNH MÙA VỤ CỦA DU LỊCH CÁT BÀ	29

2.1. Giới thiệu về khu du lịch Cát Bà.....	29
2.1.1. <i>Khái quát về đảo Cát Bà</i>	29
2.1.2. <i>Vị trí địa lí</i>	31
2.1.3. <i>Dân cư</i>	32
2.2. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch tại đảo Cát Bà.....	33
2.2.1. <i>Tài nguyên du lịch tự nhiên</i>	33
2.3. Thực trạng du lịch tại đảo Cát Bà mùa thấp điểm.....	45
2.3.1. <i>Thực trạng khách du lịch</i>	45
2.3.2. <i>Thực trạng doanh thu và các dự án đầu tư</i>	47
2.3.3. <i>Thực trạng nguồn lao động trong ngành du lịch</i>	48
2.3.4. <i>Thực trạng cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng</i>	50
2.3.5. <i>Hoạt động của một số tuyến, điểm du lịch</i>	53
Tiểu kết chương 2:	55
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÁT BÀ MÙA THẤP ĐIỂM	56
3.1. Xu hướng và mục tiêu phát triển.....	56
3.1.1. <i>Xu hướng phát triển du lịch Cát Bà đến năm 2025</i>	56
3.1.2. <i>Mục tiêu phát triển:</i>	57
3.2. Một số giải pháp.....	57
3.2.1. <i>Về thị trường khách du lịch</i>	57
3.2.2. <i>Đa dạng sản phẩm du lịch</i>	58
3.2.3. <i>Về nguồn đầu tư</i>	59
3.2.4. <i>Quảng bá xúc tiến, liên kết phát triển du lịch</i>	60
3.2.5. <i>Hoàn thiện công tác quản trị nhân lực</i>	61
3.3. Một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch Cát Bà.....	62
Tiểu kết chương 3:	64
Kết luận	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO	66
PHỤ LỤC	67

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch hiện nay được biết đến không chỉ trên khía cạnh văn hóa – xã hội mà trên quan điểm về kinh tế, du lịch đã và đang giữ vai trò kết sức quan trọng trong cơ cấu nền kinh tế của mỗi quốc gia. Không phải ngẫu nhiên mà trên thế giới hiện nay, du lịch được xem là “ ngành công nghiệp không khói” hay “ngành công nghiệp xanh”. Với lượng đầu tư không nhiều nhưng hiệu quả mang lại đến rất cao, du lịch đang dần chứng tỏ được vị thế của mình khi đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn góp phần vào việc phát triển nền kinh tế quốc gia. Tốc độ tăng trưởng hàng năm cao và liên tục là nguyên nhân chính khiến nhiều nước xem việc phát triển du lịch là một bước đi đúng đắn, là quốc sách trong quá trình thúc đẩy nền kinh tế đi lên

Trong thời kỳ đất nước đang vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc phát triển du lịch ở nước ta được xem là “lực đẩy mới” giúp các ngành kinh tế khác phát triển. Hơn nữa, nước ta lại được thiên nhiên ưu đãi cả về mặt tự nhiên và xã hội nên nhu cầu tìm ra hướng đi đúng đắn cho du lịch để phù hợp với tình hình hiện nay là rất quan trọng và cấp bách. Tuy nhiên, bên cạnh việc mở ra những khu du lịch mới thì vấn đề quan tâm hiện nay là làm sao để có thể tận dụng tối đa và hiệu quả những tiềm năng có của các khu du lịch nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương.

Hải Phòng là một thành phố cảng biển, có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên, du lịch nhân văn phong phú, đặc sắc cùng các hệ sinh thái, hệ động thực vật đa dạng và điển hình. Hải Phòng từ lâu đã được biết đến với khu du lịch Đồ Sơn và Cát Bà mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

Quần đảo Cát Bà nằm cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 60 km về phía Đông. Cát Bà đẹp, thơ mộng đã từng làm say đắm bao du khách khi đặt chân tới mảnh đất này bởi một khí hậu vô cùng trong lành, một khung cảnh thiên nhiên hoang sơ hùng vĩ. Trên đảo còn lưu giữ được những cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới điển hình, các loài động thực vật quý hiếm cùng hàng

trăm thung lũng núi đá, hang động có giá trị du lịch cao. Với những giá trị to lớn đặc sắc về cảnh quan và nguồn tài nguyên, ngày 2-12-2004 Cát Bà đã được tổ chức UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Việc phát triển du lịch đã làm thay đổi diện mạo và mang lại cho Cát Bà nhiều cơ hội về phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật được củng cố và tăng cường, đời sống người dân ngày được cải thiện.

Tuy nhiên hoạt động du lịch Cát Bà gặp bất cập về tính thời vụ trong du lịch biển. Những khoảng thời gian thấp điểm trong năm là khi bắt đầu vào mùa đông. Do thời gian nghiên cứu có hạn, tài liệu tham khảo còn ít, trình độ còn hạn chế, kinh nghiệm chưa có nhiều nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của thầy cô và bạn bè.

2. Mục tiêu

Trên cơ sở nghiên cứu xu hướng phát triển du lịch của thế giới và thực trạng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ tại quần đảo Cát Bà. Mục tiêu của đề tài là đề xuất và đưa ra giải pháp để phát triển du lịch Cát Bà vào mùa vắng khách, thu hút khách đến thăm quan du lịch ở đây từ tháng 9 đến tháng 5 năm sau.

3. Giới hạn của đề tài

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu tình hình thực tế ở quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

4. Nhiệm vụ của đề tài

Tìm hiểu về thực trạng và những thiếu sót về dịch vụ phát triển du lịch tại Cát Bà. Từ đó, đề ra giải pháp phát triển, cung cấp thêm dịch vụ, thu hút khách du lịch mùa thấp điểm.

5. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng Đề tài nghiên cứu phát triển của Cát Bà, những điểm yếu và thế mạnh về phát triển du lịch ở đây.

6. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, khoá luận đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, bổ sung cho nhau nhằm tạo điều kiện để khoá luận đạt hiệu quả một cách khách quan và có cơ sở khoa học. Đó là: Phương pháp phân tích hệ thống, khảo sát, phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu, phương pháp tổng hợp và so sánh

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài các phần Mục tiêu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của đề tài tập trung vào ba phần sau:

Chương 1: Cơ sở lí luận của đề tài

Chương 2: Thực trạng hoạt động và tính mùa vụ của du lịch Cát Bà

Chương 3: Giải pháp phát triển du lịch Cát Bà mùa thấp điểm.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Khái quát về du lịch

1.1.1. Du lịch

Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển. Du lịch cùng với các ngành kinh tế khác đã và đang mang lại nguồn lợi khổng lồ cho các quốc gia và vùng lãnh thổ. Du lịch là ngành không khói, ít gây ô nhiễm môi trường, giúp khách du lịch vừa được nghỉ ngơi, giảm stress vừa biết thêm nhiều điều hay mới lạ mà khách chưa biết. Du lịch giúp tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động (hướng dẫn viên, các dịch vụ liên quan...). Không những thế, du lịch còn góp phần quảng bá nền văn hóa đặc sắc riêng của đất nước đó đến với bạn bè quốc tế.

Ở Việt Nam, các nhà hoạch định chính sách cũng đang tập trung vào kêu gọi vốn đầu tư cho ngành du lịch để khai thác tối đa lợi ích mà du lịch mang lại. Tuy nhiên, cho đến nay, trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn chưa có những nhận thức nhất quán về du lịch, đặc biệt là định nghĩa về du lịch. Do hoàn cảnh khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau.

Do vậy có bao nhiêu tác giả nghiên cứu về du lịch thì có bấy nhiêu định nghĩa. Dưới con mắt của Guer Freuler thì “du lịch với ý nghĩa hiện đại của từ này là một hiện tượng của thời đại chúng ta, dựa trên sự tăng trưởng về nhu cầu khôi phục sức khỏe và sự thay đổi của môi trường xung quanh, dựa vào sự phát sinh, phát triển tình cảm đối với vẻ đẹp thiên nhiên”.

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới (World Tourist Organization), một tổ chức thuộc Liên Hiệp Quốc, du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành, tạm trú, trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn; cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng loại trừ các du hành mà có mục đích chính là kiếm tiền.

Du lịch cũng là một dạng nghỉ ngơi năng động trong môi trường sống khác với nơi định cư. Khác với quan điểm trên, các học giả biên soạn bách khoa toàn thư Việt Nam đã tách hai nội dung cơ bản của du lịch thành hai phần riêng biệt. Theo các chuyên gia này, nghĩa thứ nhất của từ này là “một dạng nghỉ dưỡng sức tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh...”. Theo định nghĩa thứ hai, du lịch được coi là “một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu đất nước, đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình, về mặt kinh tế, du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn; có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ tại chỗ”.

Để tránh sự hiểu lầm và không đầy đủ về du lịch, chúng ta tách du lịch thành hai phần để định nghĩa nó. Du lịch có thể được hiểu là:

- Du lịch là một hiện tượng kinh tế xã hội
- Sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khoẻ, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hoá và dịch vụ của các cơ sở chuyên cung ứng.
- Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích phục hồi sức khoẻ, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

1.1.2. Khách du lịch

Vấn đề thứ hai chúng ta cần tìm hiểu là định nghĩa về khách du lịch. Trên phương diện này, cũng có rất nhiều ý kiến khác nhau được đưa ra. Theo nhà kinh tế học người Anh: Khách du lịch là “tất cả những người thoả mãn 2 điều kiện: rời khỏi nơi cư trú thường xuyên của mình trong khoảng thời gian dưới một năm và chi tiêu tiền bạc mà nơi họ đến thăm mà không kiếm tiền ở đó”

Nhà xã hội học Cohen lại quan niệm: “Khách du lịch là một người đi tự nguyện, mang tính nhất thời, với mong muốn được giải trí từ những điều mới lạ và thay đổi thu nhận từ một chuyến đi tương đối xa và không thường xuyên”.

Theo pháp lệnh du lịch Việt Nam ban hành năm 1999 “Khách du lịch là những người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, đi làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập nơi đến”

Năm 1937 Ủy ban thống kê của liên hiệp quốc đưa ra khái niệm về khách quốc tế như sau: “Du khách quốc tế là những người thăm viếng một quốc gia ngoài quốc gia cư trú thường xuyên của mình trong thời gian ít nhất là 24h” Từ khái niệm đó ta thấy: Những người được coi là khách quốc tế bao gồm: Những người đi vì lý do giải trí, lý do sức khỏe, gia đình..

1.1.4. Tài nguyên du lịch

1.1.4.1. Định nghĩa

Tài nguyên du lịch được xem là tiền đề để phát triển du lịch. Tài nguyên du lịch càng phong phú, đặc sắc thì càng có sức hút với du khách.

Theo luật du lịch Việt Nam: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

1.1.4.1. Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể phân thành 2 nhóm:

❖ **Tài nguyên du lịch tự nhiên:** là các đối tượng, hiện tượng trong môi trường tự nhiên xung quanh chúng ta được đưa vào việc phục vụ cho mục đích du lịch. Các thành phần tự nhiên với tư cách là tài nguyên du lịch có tác động mạnh nhất đến hoạt động này là địa hình, khí hậu, nước, động – thực vật.

Địa hình:

Địa hình là một yếu tố quan trọng góp phần tạo nên phong cảnh và sự đa dạng phong cảnh nơi đó. Đối với du lịch, các dấu hiệu bên ngoài của địa hình càng đa dạng và đặc biệt thì càng có sức thu hút du khách.

Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi, đồi, đồng bằng, chúng được phân biệt bởi sự chênh cao của địa hình

Khí hậu:

Khí hậu cũng được coi là một dạng tài nguyên du lịch. Trong các chỉ tiêu về khí hậu, đáng lưu ý nhất là 2 chỉ tiêu: nhiệt độ và độ ẩm không khí. Nhưng cũng phải tính đến các yếu tố khác như: áp suất khí quyển, gió, ánh nắng mặt trời, các hiện tượng thời tiết đặc biệt. Mỗi loại hình du lịch thường đòi hỏi những điều kiện khí hậu khác nhau. Như vậy, ở mức độ nhất định cần phải chú ý đến hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở kế hoạch du lịch. Tính mùa của khí hậu ảnh hưởng mạnh mẽ đến tính mùa của du lịch. Sự phụ thuộc chặt chẽ vào khí hậu du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc một vài tháng.

Mùa du lịch cả năm thích hợp với loại hình du lịch suối khoáng, du lịch trên núi...

Mùa đông là du lịch trên núi, du lịch thể thao, nghỉ đông.

Mùa hè là mùa du lịch quan trọng vì nó có thể phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch biển, các loại hình du lịch trên núi, đồng bằng, khả năng du lịch ngoài trời rất phong phú và đa dạng.

Nguồn nước:

Bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch có ý nghĩa rất quan trọng. Nó bao gồm đại dương, sông ngòi, suối phun và thác nước...

Tài nguyên nước trên mặt không chỉ có chức năng phục hồi trực tiếp mà còn ảnh hưởng đến nhiều thành phần khác của môi trường sống, đặc biệt là nó làm dịu đi khí hậu ven bờ.

Nước ngầm nhìn chung ít có giá trị với du lịch hơn. Tuy nhiên, cần phải nói đến tài nguyên nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị an dưỡng và chữa bệnh.

Sinh vật:

Việc du lịch đến những nơi có phong cảnh đẹp, thiên nhiên trong lành là cách nghỉ ngơi tốt nhất. Giờ đây sống trong môi trường phát triển có những điều

kiện thuận lợi do con người tạo ra, đồng thời môi trường ngày càng bị ô nhiễm, biến đổi bất lợi cho cuộc sống của con người. Về tài nguyên sinh vật, rừng không chỉ có ý nghĩa lớn về mặt sinh thái, kinh tế mà còn có ý nghĩa lớn về mặt du lịch. Tất nhiên, không phải mọi đối tượng tài nguyên động thực vật đều là đối tượng tham gia phục vụ du lịch.

Về phương diện tài nguyên du lịch cần chú ý đến các khu bảo tồn thiên nhiên. Nước ta đã thành lập được 105 khu bảo vệ tự nhiên, 27 vườn quốc gia, 44 khu bảo tồn tự nhiên, 34 khu rừng văn hóa lịch sử...

❖ **Tài nguyên du lịch nhân văn:** là đối tượng, hiện tượng do con người tạo ra trong suốt quá trình lịch sử tồn tại và có giá trị phục vụ cho nhu cầu du lịch. Nhóm tài nguyên này có giá trị nhận thức hơn giá trị giải trí, ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, thường tập trung ở các khu vực quần cư và thu hút khách có trình độ văn hóa, nhận thức cao hơn.

Nhìn chung, tài nguyên du lịch nhân văn có những đặc tính cơ bản như:

- Mang tính phổ biến
- Mang tính tập trung dễ tiếp cận
- Có tính truyền đạt nhận thức nhiều hơn là hưởng thụ, giải trí

Các loại tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm:

- Các di sản văn hóa thế giới và các di tích lịch sử - văn hóa:

Các di sản văn hóa thế giới và di tích lịch sử - văn hóa được xem là những tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng nhất. Đây là nguồn lực để phát triển và mở rộng các hoạt động du lịch. Qua các thời đại, di sản văn hóa thế giới và các di tích lịch sử - văn hóa đã chứng minh cho những sáng tạo to lớn về văn hóa, tôn giáo và xã hội loài người.

- Lễ hội:

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu giúp cho người tham dự có điều kiện tiếp xúc với những bí ẩn vừa mơ, vừa thực. Lễ hội có sự lôi cuốn đông đảo người tham gia và trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách.

Các lễ hội thường bao gồm 2 phần là nghi lễ và phần hội: Phần nghi lễ là phần mở đầu cho các lễ hội với những nghi thức nghiêm trang, trọng thể. Phần hội diễn ra những hoạt động tiêu biểu, điển hình cho tâm lí và văn hóa cộng đồng, chứa đựng những quan niệm của một dân tộc về thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên.

- Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học:

Mỗi một dân tộc có điều kiện sinh sống, đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang sắc thái riêng của các dân tộc trên địa bàn cư trú của mình.

Mỗi dân tộc trên thế giới có tập tục riêng về cư trú, về tổ chức xã hội, về sinh hoạt, trang phục và ẩm thực, về ca múa nhạc... Tất cả những điều kiện đó đã làm nên nét văn hóa độc đáo, có sức hấp dẫn khách du lịch rất lớn.

- Làng nghề thủ công truyền thống:

Nghề thủ công truyền thống cũng là loại tài nguyên du lịch nhân văn quan trọng và có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Thông thường, nghề thủ công truyền thống với những sản phẩm độc đáo không chỉ thể hiện tài khéo léo của nhân dân lao động mà còn thể hiện những tư duy triết học, những tâm tư tình cảm của con người. Đây chính là những đặc tính riêng của nền văn hóa và là sức hấp dẫn của các làng nghề truyền thống đối với khách du lịch.

- Các đối tượng văn hóa, thể thao và hoạt động nhận thức khác:

Những đối tượng văn hóa như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện, các bảo tàng, ... đều có sức thu hút khách du lịch đến tham quan và nghiên cứu.

- Ngoài ra, những hoạt động mang tính sự kiện như các giải thể thao lớn, các cuộc triển lãm thành tựu kinh tế quốc dân, các hội chợ, các liên hoan phim quốc tế, các lễ hội điển hình, ... cũng là những đối tượng thu hút khách du lịch.

1.1.5. Một số loại hình du lịch

*** Du lịch sinh thái**

- Định nghĩa về du lịch sinh thái ở Việt Nam: “*Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi*

trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”

- Bản chất của du lịch sinh thái:

+ Là một hình thức du lịch tự nhiên mang tính khai sáng, góp phần bảo tồn hệ sinh thái mà vẫn tôn trọng sự hoà nhập của các cộng đồng địa phương.

+ Là một lĩnh vực đặc biệt của du lịch nói chung có đặc trưng là qua những

chuyến đi, du khách được tiếp xúc với thiên nhiên bằng phương tiện quan sát đơn giản hay những nghiên cứu có tính hệ thống.

*** Du lịch văn hóa**

- Là loại hình du lịch mà du khách muốn được cảm nhận bề dày văn hóa của một nước, một vùng thông qua các di tích lịch sử, văn hóa, những phong tục tập quán, lễ hội còn hiện diện.

- Du lịch văn hóa còn được hiểu:

+ Là tổng của cái vật chất và của cái tinh thần có liên quan đến du lịch.

+ Là kết quả tác động lẫn nhau giữa chủ thể du lịch (du khách), khách thể du lịch (tài nguyên du lịch) với môi giới du lịch (ngành du lịch).

+ Một loại hình thái văn hóa của đời sống du lịch.

+ Một loại hình thái văn hóa đặc thù, lấy văn hóa giá trị nội tại của văn hóa chung làm chỗ dựa, lấy các yếu tố du lịch làm công tác du lịch tích lũy và sáng tạo ra trong hoạt động du lịch.

*** Du lịch nghiên cứu – học tập**

- Du lịch nghiên cứu - học tập là loại hình du lịch kết hợp với học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết thực tế về địa lí, địa chất, lịch sử, khảo cổ, môi trường, sinh học, khoa học, du lịch... cho khách du lịch.

- Đặc điểm cơ bản:

+ Khách du lịch: chủ yếu là các nhà khoa học, học sinh, sinh viên có nhu cầu tìm hiểu thực tế, phục vụ nghiên cứu khoa học.

+ Cơ sở hạ tầng: các nhà cung ứng dịch vụ thường xây dựng những phòng học ngoài trời được thiết kế phù hợp với từng nội dung học tập. Các điểm đến

du lịch có đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc tìm hiểu, quan sát, phân tích, nghiên cứu....

+ Thời gian lưu trú: tùy vào đối tượng, mục đích nghiên cứu, học tập mà thời gian lưu trú có thể là ngắn ngày hay dài ngày. Đa số học sinh, sinh viên tham gia du lịch thường lưu trú trong thời gian ngắn để tìm hiểu thực tế, làm báo cáo môn học... Còn các nhà khoa học thường có thời gian lưu trú dài ngày để làm các công trình nghiên cứu khoa học.

- Hướng dẫn viên du lịch: đa số hướng dẫn viên du lịch là các thầy cô giáo phụ trách chuyên môn, các chuyên gia hoặc người dân địa phương, hướng dẫn viên có kiến thức sâu rộng về điểm đến du lịch.

- Điểm đến du lịch: thường là các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, viện hải dương học, các khu di tích lịch sử, các bảo tàng, công trình kiến trúc, các khu giải trí....

* **Du lịch MICE**

- MICE là cụm từ viết tắt theo các chữ cái đầu tiếng Anh của các từ: Meeting (gặp gỡ, hội họp), Incentive (khen thưởng), Convention/ Conference (hội nghị/ hội thảo) và Exhibition/ Event (triển lãm, sự kiện). Như vậy, MICE tour là sự kết hợp của Meeting tour, Incentive tour, Convention tour và Exhibition tour, hay nói cách khác, MICE tour là một loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội họp, khen thưởng, triển lãm, sự kiện được kinh doanh bởi các công ty, các doanh nghiệp du lịch có tiếng tăm, uy tín và năng lực chuyên môn cao cũng như bởi các tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị có chức năng và thẩm quyền.

- Đặc trưng của du lịch MICE là loại hình du lịch có sự kết hợp với một hoặc nhiều hoạt động hội nghị, hội thảo, gặp gỡ, khen thưởng, triển lãm, sự kiện nổi bật ở một vùng, một quốc gia nhất định. Cũng như các loại hình du lịch khác, du lịch MICE có những đặc trưng riêng của mình.

* **Du lịch cộng đồng**

Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch do cộng đồng tổ chức, dựa vào thiên nhiên và văn hoá địa phương với mục tiêu bảo vệ môi trường. Du lịch cộng

đồng đề cao quyền làm chủ, chú ý phân bổ lợi ích rộng rãi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng. Với khách du lịch, du lịch cộng đồng tạo cơ hội tìm hiểu, nâng cao nhận thức về môi trường và giao lưu văn hoá, trải nghiệm cuộc sống hàng ngày của cộng đồng.

Như vậy, du lịch sinh thái cộng đồng chính là nét tinh túy của du lịch sinh thái và du lịch bền vững. Du lịch cộng đồng nhấn mạnh vào cả ba yếu tố là môi trường, du lịch và cộng đồng.

1.2.Kinh doanh du lịch

1.2.1.Sản phẩm du lịch

1.2.1.1.Khái niệm về sản phẩm du lịch

Việc nghiên cứu vấn đề đa dạng hóa sản phẩm du lịch trước hết chúng ta cần làm rõ khái niệm. Sản phẩm du lịch là tổng thể những yếu tố có thể trông thấy hoặc không trông thấy được, làm thỏa mãn nhu cầu cho du khách trong hoạt động du lịch. Những tài nguyên thiên nhiên (bãi biển, núi rừng, sông suối, khí hậu, không gian thiên nhiên...) cũng như các cơ sở vật chất (khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí...) bản thân chúng không phải là sản phẩm du lịch, nhưng chúng lại trở thành sản phẩm du lịch khi mà các sản phẩm đó được sử dụng phục vụ cho nhu cầu của du khách. Thông thường người ta phân biệt ba mức độ trong khái niệm của một sản phẩm du lịch:

- ***Sản phẩm du lịch chính:*** Sản phẩm du lịch chính trả lời cho câu hỏi du khách thực sự muốn gì, sản phẩm chính không phải là xác định theo thành phần chính của sản phẩm mà là dựa vào nhu cầu cần thỏa mãn chính của du khách hoặc là phân lợi ích của sản phẩm này khác với các sản phẩm cạnh tranh khác.

- ***Sản phẩm du lịch hình thức:*** Sản phẩm du lịch hình thức tương ứng với sản phẩm mà nó có mặt lúc mua hoặc chọn lựa. Nó là sản phẩm cốt yếu được cụ thể hóa bằng những yếu tố hoặc những dịch vụ rõ ràng như khách sạn, nhà hàng, trang thiết bị. Nó không còn là một sản phẩm ở trong khái niệm mà là một thành phẩm được thương mại hóa và được du khách tiêu thụ. Chẳng hạn, nếu sản phẩm cốt yếu là một sân golf thì sản phẩm hình thức là toàn bộ khách

sạn và dịch vụ thương mại phục vụ cho chơi golf cũng như những đặc tính kỹ thuật liên quan đến chơi golf.

- **Sản phẩm du lịch mở rộng:** Sản phẩm du lịch mở rộng là toàn bộ những yếu tố liên quan đến du khách, là tổng thể các yếu tố nhìn thấy cũng như không nhìn thấy được cung cấp cho du khách. Sản phẩm du lịch mở rộng đó là hình ảnh hay đặc tính của sản phẩm mà du khách cảm nhận được. Hình ảnh đó bao gồm những yếu tố vật lý như kiến trúc, cảnh quan, màu sắc... và những yếu tố tâm lý như bầu không khí, lối sống, sự sang trọng, đẳng cấp xã hội...

1.2.1.2. Những đặc tính của sản phẩm du lịch

**Tính nhìn thấy được và không nhìn thấy được*

- Sản phẩm du lịch bao gồm một tập hợp các yếu tố nhìn thấy được chủ yếu là:

+ Tài nguyên thiên nhiên như: khí hậu, cảnh quan, núi rừng, sông suối, hồ, thác... Mỗi một địa phương đều có những đặc điểm riêng về điều kiện tự nhiên, điều này góp phần tạo nên nét đặc thù độc đáo cho các sản phẩm du lịch.

+ Cơ sở vật chất cơ bản như: khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí. Đây là những cơ sở vật chất mà du khách sử dụng trong thời gian đi du lịch của mình.

+ Những sản phẩm liên quan: phương tiện vận chuyển, các đặc sản, hàng lưu niệm...

- Các yếu tố không nhìn thấy được chia làm hai loại:

+ Các dịch vụ du lịch: dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ hướng dẫn, dịch vụ mua sắm... Các dịch vụ này rất quan trọng trong quá trình đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Để có được dịch vụ du lịch tốt trước hết phải có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp.

+ Những yếu tố tâm lý như: sự sang trọng, đẳng cấp xã hội, bầu không khí, tiện nghi, nếp sống thanh lịch... Khi đời sống xã hội ngày càng cao, du khách rất chú trọng đến những nhu cầu này.

**Tính đa dạng của các thành phần*

Thông thường các sản phẩm du lịch có nhiều yếu tố cấu thành như: hạ

tàng cơ sở vật chất, các loại dịch vụ... Chính sự đa dạng này đôi khi là một trở ngại cho việc phối hợp và hoàn chỉnh giữa các bộ phận khác nhau, thậm chí gây tổn thất cho sản phẩm du lịch. Phần nhiều, sản phẩm du lịch không thu tóm hết cả chiều dọc lẫn chiều ngang vào một tổ chức duy nhất mà phần lớn là kết quả của sự chấp thuận giữa những thành viên liên quan mà quyền lợi đôi khi khác nhau, thậm chí còn có tính tranh chấp. Một trong những điều kiện tiên quyết để đưa ra một sản phẩm du lịch tốt là sự kết hợp hài hòa giữa các thành viên: cơ quan quản lý, cộng đồng địa phương, chủ khách sạn, chủ nhà hàng, các thương gia và tất cả những người cung cấp các loại dịch vụ liên quan. Vì thế, phải làm sao cho các mục tiêu của các thành viên gắn gũi lại và bổ sung lẫn nhau, xác định và đánh giá đúng phần tham gia của mỗi thành viên trong tổng thể của sản phẩm du lịch, phải xác định vị trí của sản phẩm du lịch và các thị trường mục tiêu để mọi người cùng chấp thuận, phát huy mọi hoạt động tiếp thị của các thành viên.

**Những tính đặc thù của sản phẩm du lịch*

Sản phẩm du lịch là một dịch vụ đặc biệt, là những sản phẩm dịch vụ mà bản thân chúng không hề bị tiêu hủy sau khi du khách sử dụng. Tính đặc biệt của sản phẩm du lịch được thể hiện ở một số đặc điểm sau:

- Sự tham gia của du khách là cần thiết để thực hiện dịch vụ. Du lịch đòi hỏi phải có du khách để tồn tại.
- Sản phẩm du lịch không thể để tồn kho. Bởi vì, một phòng của khách sạn, một chỗ ngồi trên máy bay không bán được thì không thể cất giữ vào kho.
- Tính không co giãn của cung so với cầu làm cho người ta không thể tăng cung của sản phẩm du lịch trong ngắn hạn.
- Sản phẩm du lịch không phải là một loại sản phẩm có thể di chuyển về các thị trường tiêu thụ, mà trái lại các thị trường phải di chuyển về hướng sản phẩm du lịch. Chính vì vậy công tác tuyên truyền và quảng bá các sản phẩm du lịch vô cùng quan trọng.

1.2.1.3. Những yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch

**Những yếu tố cấu thành cơ bản*

Cũng như tất cả những sản phẩm khác, sản phẩm du lịch gồm nhiều yếu tố kết hợp với nhau để đáp ứng cho thị trường mục tiêu, thỏa mãn tối đa nhu cầu của du khách. Sản phẩm du lịch bao gồm những yếu tố cơ bản như sau:

- Tài nguyên thiên nhiên: khí hậu, cảnh đẹp thiên nhiên, núi rừng, bãi biển, sông suối...

- Tài nguyên nhân văn: các di sản văn hóa, di tích lịch sử, phong tục tập quán, các lễ hội, công trình kiến trúc lịch sử, công trình kiến trúc tôn giáo...

- Các cơ sở vật chất phục vụ ngành du lịch: khách sạn, nhà hàng, công viên, khu vui chơi giải trí...

- Hệ thống phương tiện giao thông phục vụ du lịch: máy bay, tàu lửa, ô tô, xe bus, taxi, tàu thủy, thuyền...

- Các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch: hệ thống giao thông, điện, nước, bưu chính viễn thông, y tế...

- Môi trường kinh tế và xã hội: giá cả liên quan đến hoạt động du lịch, an toàn xã hội, trình độ dân trí, văn minh đô thị...

**Môi trường kế cận*

Những yếu tố thiên nhiên là nguồn để tạo nên sản phẩm du lịch, đòi hỏi chúng phải được bao bọc bởi những vùng đệm chung quanh thật lôi cuốn, có như vậy mới tạo nên những sản phẩm du lịch đa dạng, giá trị và bền vững. Đây sẽ là nơi mở rộng thêm các loại hình sản phẩm du lịch khác phục vụ nhu cầu tiềm ẩn của du khách.

**Dân cư địa phương*

Du lịch tạo điều kiện cho du khách tiếp xúc với dân cư địa phương. Thông thường du khách và dân địa phương có những lối sống và văn hóa khác nhau. Mối quan hệ giữa họ có thể làm phát sinh mâu thuẫn. Cho nên, thái độ của dân địa phương ảnh hưởng lớn đến sự cảm nhận của du khách đối với sản phẩm du lịch. Phần lớn, du lịch gồm những yếu tố kích thích tâm hồn và cảm xúc. Những khía cạnh như bầu không khí, cách cư xử, sự thân thiện là những yếu tố quyết định trong việc đánh giá một sản phẩm du lịch. Đây là vấn đề không nên coi nhẹ trong quá trình đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

**Các dịch vụ công cộng phục vụ du lịch*

Những yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch thường khó thay đổi, trong khi đó dịch vụ công cộng lại có thể dễ dàng thay đổi và chính các yếu tố đó đã góp phần to lớn nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, gia tăng độ thỏa dụng cho du khách. Việc xây dựng một trung tâm hội nghị trong thành phố, một khu vui chơi giải trí, một khu thể thao, một công viên, trồng nhiều cây xanh trong thành phố... là những nhân tố làm thay đổi sản phẩm du lịch của một thành phố hoặc một điểm du lịch.

**Cơ sở lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ thương mại*

Du khách là những người ra khỏi nhà ở của mình trong một thời gian nhất định, tạm thời rời bỏ công việc bận rộn của mình tìm đến một nơi để nghỉ ngơi, thư giãn. Du khách có thể ở trong khách sạn, quán trọ hoặc ở trong các lều trại. Cơ sở lưu trú, nhà hàng sẽ là những yếu tố quan trọng làm tăng thêm giá trị cho sản phẩm du lịch. Có những cảnh quan thiên nhiên tuyệt vời, có khí hậu trong lành, mát mẻ bên cạnh là các khách sạn, nhà hàng sang trọng, ẩm cúng, chắc chắn sẽ tạo ra các sản phẩm du lịch có giá trị cho du khách.

**Kết cấu hạ tầng giao thông*

Du lịch hàm ý một sự di chuyển của du khách ra khỏi nhà để đến chỗ lưu trú. Cho nên, các phương tiện giao thông, đường sá, sân bay, bến cảng... là những yếu tố vô cùng quan trọng để việc di chuyển đó có thể diễn ra trong những điều kiện tốt nhất (ít mệt, ít tốn thời gian) và chi phí thấp nhất. Những phương tiện đi lại trong trung tâm thành phố như xe bus, taxi, xích lô... và các điều kiện đi lại khác, là những vấn đề không thể coi thường bên trong sản phẩm du lịch.

1.2.2. Dịch vụ du lịch

Theo Luật du lịch năm 2005 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Dịch vụ du lịch là việc cung cấp các dịch vụ về lễ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, thông tin, hướng dẫn và những dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.”

1.2.2.1. Vai trò của dịch vụ du lịch

– Du lịch là một ngành dịch vụ mang lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước, đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm tăng thu nhập quốc dân, tăng tỷ trọng GDP của ngành dịch vụ, góp phần tích cực trong việc cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

– Du lịch tạo ra việc làm trực tiếp và gián tiếp cho các tầng lớp dân cư, góp phần nâng cao dân trí, đời sống vật chất tinh thần cho người dân, mở rộng giao lưu giữa các vùng, miền trong nước và nước ngoài, tăng cơ hội việc làm cho người lao động, khôi phục các làng nghề thủ công và lễ hội truyền thống có nguy cơ bị mai một và giảm bớt tình trạng đói nghèo, góp phần thay đổi diện mạo đô thị, nông thôn được chỉnh trang sạch đẹp hơn.

– Du lịch là một ngành được mệnh danh là “con gà đẻ trứng vàng” đã giúp nhiều quốc gia có nguồn thu ngoại tệ hàng tỷ USD mỗi năm, bởi du lịch là hoạt động xuất khẩu hiệu quả nhất. Tính hiệu quả trong kinh doanh du lịch được thể hiện chỗ Du lịch là ngành “xuất khẩu tại chỗ” rất hiệu quả những dịch vụ, hàng hoá công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng nông sản thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ,...

– Du lịch không chỉ là ngành xuất khẩu tại chỗ mà còn là ngành “xuất khẩu vô hình” sản phẩm du lịch. Đó là danh lam thắng cảnh, giá trị di tích lịch sử – văn hoá, tính độc đáo trong truyền thống phong tục tập quán... Sản phẩm này không bị mất đi qua mỗi lần đưa ra thị trường mà uy tín ngày càng tăng khi chất lượng dịch vụ làm thoả mãn nhu cầu của du khách.

– Du lịch góp phần kích thích sự tăng trưởng kinh tế ở các vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các vùng, phân phối lại thu nhập giữa các thành phần lao động trong xã hội, điều hoà nguồn vốn từ vùng kinh tế phát triển sang vùng kinh tế kém phát triển hơn.

– Du lịch góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách cho các địa phương thông qua việc thu thuế các cơ sở và hoạt động trên địa bàn. Du lịch phát triển

làm cho nhu cầu về hàng hoá dịch vụ tăng lên, góp phần mở ra thị trường tiêu thụ tại chỗ các loại hàng hoá dịch vụ này. Ngoài ra nó còn tạo điều kiện cho du khách tìm hiểu thị trường, tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh các ngành kinh tế khác.

1.2.2.2. Những dịch vụ du lịch phổ biến hiện nay

Các dịch vụ du lịch phổ biến hiện nay bao gồm:

- Dịch vụ vận chuyển
- Dịch vụ lưu trú, ăn uống;
- Dịch vụ tham quan, giải trí;
- Hàng hoá tiêu dùng và đồ lưu niệm
- Các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch

1.3. Tính thời vụ trong du lịch

1.3.1. Định nghĩa thời vụ du lịch

“Thời vụ du lịch được hiểu là những biến động lặp đi lặp lại hàng năm của cung và cầu các dịch vụ và hàng hóa du lịch dưới tác động của một số nhân tố xác định”

1.3.2. Định nghĩa về quy luật thời vụ trong du lịch

“Lượng du khách không đều giữa các tháng trong năm mà biến động mạnh theo mùa, sự biến thiên này diễn ra không hỗn độn và theo một trật tự phổ biến và tương đối ổn định được gọi là quy luật thời vụ”

Thời vụ du lịch ở một quốc gia hoặc một vùng là một tập hợp của sự tương tác theo mùa của đại lượng cung và đại lượng cầu trong tiêu dùng du lịch.

1.3.3. Đặc điểm của tính thời vụ trong du lịch

1.3.3.1. Tính thời vụ trong du lịch mang tính phổ biến ở tất cả các nước và các vùng có hoạt động du lịch:

Về mặt lý thuyết, nếu một vùng du lịch kinh doanh nhiều thể loại du lịch và đảm bảo được cường độ hoạt động đều đặn trong các tháng của năm (luôn giữ

được lượng khách và doanh thu nhất định) thì tại vùng đó tính thời vụ không tồn tại. Tuy nhiên, khả năng đó là rất khó thực hiện vì có rất nhiều yếu tố tác động lên hoạt động kinh doanh du lịch làm cho hoạt động đó khó có thể đảm bảo được cường độ hoạt động đều đặn trong năm và vì vậy tồn tại tính thời vụ trong du lịch.

1.3.3.2. Một nước hoặc một vùng du lịch có thể có một hoặc nhiều thời vụ du lịch tùy thuộc vào các thể loại du lịch phát triển ở đó:

Một nước hay một vùng chỉ phát triển một loại hình du lịch là chủ yếu như nghỉ biển hay nghỉ núi thì ở đó chỉ có một mùa du lịch là mùa hè hoặc mùa đông. Chẳng hạn như các vùng biển Đồ Sơn, đảo Cát Bà, Sầm Sơn của Việt Nam chỉ kinh doanh và phát triển loại hình du lịch nghỉ biển là chủ yếu thì mùa du lịch sẽ vào mùa hè.

Nhưng nếu như tại một khu nghỉ mát biển lại có nhiều nguồn nước khoáng có giá trị, ở đó phát triển mạnh 2 thể loại du lịch: du lịch biển vào mùa hè và du lịch nghỉ dưỡng chữa bệnh vào mùa đông dẫn đến ở đó có 2 mùa du lịch.

Tại một số vùng núi ở Châu Âu (tại Áo, Pháp) phát triển 2 mùa du lịch chính là mùa đông trượt tuyết, mùa hè leo núi nghỉ dưỡng và chữa bệnh.

1.3.3.3. Độ dài của thời gian và cường độ của thời vụ du lịch không bằng nhau đối với các thể loại du lịch khác nhau:

Du lịch chữa bệnh thường có mùa dài hơn và cường độ vào mùa chính yếu hơn. Du lịch nghỉ biển (vào mùa hè), nghỉ núi (leo núi vào mùa đông) có mùa ngắn hơn và cường độ mạnh hơn (do phụ thuộc vào yếu tố thiên nhiên nhiều hơn)

1.3.3.4. Cường độ của thời vụ du lịch không bằng nhau theo thời gian của chu kỳ kinh doanh:

Thời gian mà ở đó cường độ lớn nhất được quy định là thời vụ chính (mùa chính), còn thời kỳ có cường độ nhỏ hơn ngay trước mùa chính gọi là thời vụ trước mùa, ngay sau mùa chính gọi là thời vụ sau mùa. Thời gian còn lại trong năm còn được gọi là ngoài mùa người ta gọi là “mùa chết”

Ví dụ: Tại đảo Cát Bà vào tháng 6, 7, 8 là thời gian tắm biển đẹp nhất, nhiều người đi tắm nhất (và cũng vì vào kỳ nghỉ hè). Vào thời gian đó số khách đông nhất, cường độ thời vụ là lớn nhất hoặc gọi là mùa chính.

Vào tháng 4, 5, 9, 10 nước biển cũng tương đối ấm, có thể tắm biển được vẫn còn có khách đến tắm biển, nghỉ ngơi hoặc trước mùa và sau mùa.

Còn lại tháng 11, 12, 1, 2, 3 là những tháng ngoài mùa (mùa thấp điểm).

1.3.3.5. Độ dài của thời gian và cường độ của thời vụ du lịch phụ thuộc vào mức độ phát triển và kinh nghiệm kinh doanh du lịch của các quốc gia du lịch, điểm du lịch và các nhà kinh doanh du lịch:

Cùng kinh doanh một loại hình du lịch, với các điều kiện về tài nguyên du lịch tương đối như nhau thì ở các nước, các vùng, các cơ sở kinh doanh du lịch phát triển hơn, có kinh nghiệm kinh doanh tốt hơn thì tính thời vụ du lịch thường kéo dài hơn và cường độ của mùa du lịch yếu hơn. Ngược lại, nước, vùng, cơ sở du lịch mới phát triển, chưa có nhiều kinh nghiệm kinh doanh (chính sách tiếp thị, quảng cáo chưa tốt) thường có mùa du lịch ngắn hơn và cường độ của mùa du lịch chính thể hiện mạnh hơn.

1.3.3.6. Cường độ và độ dài của thời vụ du lịch phụ thuộc vào cơ cấu của khách đến vùng du lịch:

Các vùng trung tâm dành cho du lịch thanh, thiếu niên (sinh viên, học sinh) thường có mùa ngắn hơn và cường độ mạnh hơn so với những trung tâm đón khách ở độ tuổi trung niên. Nguyên nhân chính ở đây là do thanh, thiếu niên thường hay đi theo đoàn, hội vào các dịp hè, nghỉ tết ngắn hạn.

1.3.3.7. Cường độ và độ dài của thời vụ du lịch phụ thuộc vào số lượng các cơ sở lưu trú chính:

Ở đâu (đất nước, vùng) có chủ yếu là các cơ sở lưu trú chính – khách sạn, nhà nghỉ, khu nghỉ dưỡng, mùa du lịch kéo dài hơn và cường độ của mùa chính là yếu hơn so với nơi sử dụng nhiều nhà trọ và Camping. Ở đó mùa du lịch thường ngắn hơn và cường độ thường mạnh hơn. Đặc điểm này là hậu quả của nhiều nguyên nhân khác nhau như:

- Những nơi có chủ yếu các cơ sở lưu trú chính thì việc đầu tư và bảo dưỡng tốn kém hơn dẫn đến các nhà kinh doanh phải tìm nhiều biện pháp kéo dài thời vụ hơn.

- Những nơi có thời vụ du lịch ngắn thì nhu cầu đầu tư và xây dựng các cơ sở lưu trú chính ít hơn. Cơ sở lưu trú là nhà trọ và Camping vừa kinh hoạt lại vừa tốn chi phí hơn.

**Một vài đặc điểm về tính thời vụ du lịch của Việt Nam:*

+Việt Nam là một nước có tài nguyên du lịch thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh du lịch quanh năm.

Sự đa dạng về khí hậu. Nước Việt Nam hình chữ S trải theo chiều Bắc – Nam. Do vậy, chỉ có ở miền Bắc và miền Trung còn có mùa đông, ở miền Nam khí hậu quanh năm nóng ẩm, bờ biển dài thuận lợi cho kinh doanh du lịch nghỉ biển cả năm.

Sự phong phú về tài nguyên nhân văn ở khắp mọi miền đất nước. Do đó, tính thời vụ có thể hạn chế và có điều kiện giảm cường độ của thời vụ du lịch.

+Trong giai đoạn hiện nay đối tượng khách du lịch tại Việt Nam có động cơ và mục đích rất khác nhau. Khách du lịch nội địa đi du lịch chủ yếu là để nghỉ biển, nghỉ dưỡng và (đi tham quan) lễ hội, họ đi du lịch chủ yếu vào các tháng hè và các tháng đầu năm.

Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hiện nay chủ yếu với mục đích kết hợp kinh doanh thăm dò thị trường, ký kết hợp đồng, một số với mục đích tham quan tìm hiểu, khám phá.

Luồng khách du lịch nội địa lớn hơn luồng khách du lịch quốc tế,
+Thời vụ du lịch, độ dài của thời vụ du lịch và cường độ biểu hiện của thời vụ du lịch ở các thành phố lớn, các tỉnh và các trung tâm du lịch biển là rất khác nhau. Điều đó phụ thuộc vào sự phát triển các loại hình kinh doanh du lịch khác nhau và cấu trúc, đặc điểm của các luồng khách du lịch.

Xuất phát từ chỗ Việt Nam trong giai đoạn phát triển du lịch hiện nay thu hút khách du lịch quốc tế chủ yếu bởi các giá trị lịch sử (di tích lịch sử), các giá trị văn hóa (phong tục tập quán cổ truyền, các lễ hội), các dự án đầu tư, các hoạt

động kinh doanh sản xuất, phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (và tổng số ngày khách của khách du lịch quốc tế) tập trung chính vào khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 3 trong năm bởi các nguyên nhân sau:

Phần lớn các dịp lễ hội, Tết nguyên đán tập trung vào những tháng đầu năm. Trong giai đoạn hiện nay, hầu hết khách Việt Kiều (chiếm tỉ trọng lớn trong tổng số khách du lịch quốc tế vào Việt Nam) và khách du lịch với mục đích tham quan, tìm hiểu thường đến dịp này.

Các thương gia đến Việt Nam thường đến nhiều vào thời gian ngoài kì nghỉ hè, vì thời gian nghỉ hè họ thường cùng với những người thân của họ nghỉ ở những nơi nổi tiếng, truyền thống hấp dẫn cho các kỳ nghỉ hè gia đình của khách du lịch quốc tế trên thế giới.

1.4.Các nhân tố ảnh hưởng đến tính thời vụ trong du lịch

1.4.1.Nhân tố tự nhiên

Khí hậu là nhân tố có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành tính thời vụ của du lịch, nó tác động mạnh lên cả cung và cầu du lịch.

+Về mặt cung, đa số các điểm tham quan du lịch giải trí đều tập trung số lượng lớn vào mùa hè với khí hậu ấm áp như các điểm du lịch nghỉ biển, nghỉ núi, chữa bệnh.

+Về mặt cầu, mùa hè là mùa có lượng du khách lớn nhất.

Ảnh hưởng của nhân tố khí hậu thể hiện rõ nét ở các loại hình du lịch nghỉ biển, nghỉ núi và mức độ nhất định trong du lịch chữa bệnh. Đối với các du lịch nghỉ biển, các thành phần như nắng, độ ẩm, hướng gió, nhiệt độ và một số đặc điểm như vị trí địa lý, độ sâu, chiều dài – rộng của bãi tắm... sẽ quyết định đến nhu cầu của khách.

Ví dụ: Đa phần khách du lịch Châu Âu thích tắm biển khi nhiệt độ nước biển từ 20°C - 25°C, nhưng du khách Bắc Âu thì lại thích tắm biển khi nhiệt độ nước biển là 15°C - 16°C.

Điều đó chứng tỏ rằng giới hạn của thời tiết gây ra có thể mở rộng hoặc thu hẹp lại, tùy thuộc vào nhu cầu của khách du lịch và tiêu chuẩn của khách khi sử dụng tài nguyên du lịch.

Đối với một số loại hình du lịch khác như du lịch chữa bệnh, du lịch văn hóa, du lịch công vụ, ảnh hưởng của điều kiện khí hậu không lớn vì thời tiết thuận lợi hơn cho các cuộc hành trình du lịch.

1.4.2. Nhân tố về kinh tế - xã hội – tâm lý

1.4.2.1. Về kinh tế:

Thu nhập là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng quyết định tới nhu cầu đi du lịch bởi để thực hiện chuyến đi du lịch cần phải có một số ngân sách cần thiết, nên thu nhập của người dân càng cao thì họ có nhu cầu đi du lịch càng nhiều. Vì vậy ở các nước có nền kinh tế phát triển người ta đi du lịch nhiều hơn, họ có thể thực hiện nhiều chuyến đi du lịch trong một năm, do đó nhu cầu đi du lịch trong mùa chính giảm, góp phần làm giảm cường độ du lịch ở thời vụ du lịch chính. Điều đó cho thấy rõ tác động của thu nhập đến tính thời vụ.

Sự thay đổi tỉ giá hối đoái cũng tác động khá lớn đến nhu cầu đi du lịch. Chẳng hạn đồng tiền quốc gia nơi đến bị mất giá so với đồng tiền có khả năng chuyển đổi cao như USD, EURO,... thì sẽ làm tăng nhu cầu du lịch và ngược lại. Sự thay đổi có thể kéo theo làm thay đổi mức độ, thời vụ của du lịch.

1.4.2.2. Thời gian nhàn rỗi:

Thời gian nhàn rỗi là nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố không đều của nhu cầu du lịch, con người chỉ có thể đi du lịch vào thời gian nhàn rỗi. Tác động của thời gian nhàn rỗi lên tính thời vụ trong du lịch phải nói đến 2 đối tượng chính trong xã hội.

Thứ nhất: là thời gian nghỉ phép năm tác động lên thời vụ du lịch, do độ dài của thời hạn phép và thời gian sử dụng phép. Nếu thời gian phép ngắn thì người ta thường chỉ đi du lịch một lần trong năm, khi đó họ chọn thời gian chính vụ để đi du lịch với mong muốn được tận hưởng những ngày nghỉ quý giá, do đó cường độ du lịch sẽ cao vào mùa chính. Ngược lại thời gian nghỉ phép năm dài cho phép con người đi du lịch nhiều lần trong năm, tỉ trọng nhu cầu tập trung vào mùa chính sẽ giảm, góp phần làm giảm cường độ du lịch trong mùa chính, tăng cường độ thu hút nhu cầu ngoài mùa. Như vậy sự gia tăng thời gian nhàn

rồi góp phần giảm cường độ của du lịch ở thời vụ chính và tăng cường độ du lịch vào ngoài mùa du lịch.

Việc phân bố thời gian sử dụng phép trong năm của nhân dân lao động cũng ảnh hưởng đến tính thời vụ trong du lịch.

Sự tập trung lớn nhu cầu vào vụ chính còn do việc sử dụng phép theo tập đoàn như cán bộ - giáo viên trong trường nghỉ hè, nông dân nghỉ vào ngày không bận rộn mùa màng. Một số xí nghiệp ngừng hoạt động chính vào một giai đoạn trong năm và nhân viên phải nghỉ phép trong thời gian đó.

Thứ hai: là thời gian nghỉ của trường học, điều này làm cho học sinh và cha mẹ có thời gian đi du lịch. Thường là đối với học sinh có độ tuổi từ 6 – 15 tuổi, các bậc phụ huynh thường sắp xếp thời gian nghỉ phép cùng để tận hưởng ngày nghỉ với con cái. Đối với tầng lớp học sinh, sinh viên ở các trường phổ thông trung học, đại học, cao đẳng, kỳ nghỉ hè trùng với mùa biển.. Điều này làm tăng cường độ mùa du lịch chính.

Đối với những người hưu trí, số lượng của đối tượng này ngày càng tăng do tuổi thọ trung bình tăng, thời gian của họ có thể đi du lịch bất kỳ lúc nào nếu có đủ điều kiện kinh tế, đây là nguồn khách làm giảm bớt cường độ mùa du lịch chính.

1.4.2.3. Sự quần chúng hóa trong du lịch

Là nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu trong du lịch. Sự tham gia của số đông khách có khả năng thanh toán trung bình (thường ít có kinh nghiệm đi du lịch) họ thường thích đi nghỉ biển vào mùa hè mùa du lịch chính, vì các lý do sau:

- Đa số khách có khả năng thanh toán hạn chế thường đi nghỉ tập thể vào chính vụ, do chi phí tổ chức chuyến đi theo đoàn thường nhỏ. Mặc dù vào vụ chính, chi phí du lịch cao nhưng lại được giảm giá cho số đông.

- Họ thường không hiểu điều kiện nghỉ ngơi của từng tháng nên họ chọn những tháng thuộc mùa chính để xác suất gặp thời tiết bất lợi nhỏ nhất.

- Do ảnh hưởng của xu hướng, trào lưu, hiện tượng bùng nổ lên trên các thông tin đại chúng và sự bắt chước lẫn nhau của du khách. Những người mới tham gia vào dòng khách du lịch thường không nắm được điều kiện nghỉ

ngơi của từng vùng, từng địa phương một cách cụ thể. Họ chọn thời gian đi nghỉ ngơi dưới tác động của các nhân tố tâm lý và phụ thuộc vào kinh nghiệm của người khác. Họ thường đi nghỉ vào thời gian mà trước đó đã có những khách du lịch đi trước và chia sẻ kinh nghiệm lại.

Vì vậy sự quần chúng hóa trong du lịch làm tăng tính thời vụ vốn có trong du lịch. Để khắc phục ảnh hưởng này người ta thường dùng chính sách giảm giá vào trước và sau mùa chính, đồng thời tăng cường quảng cáo các điều kiện nghỉ ngơi ngoài mùa chính để thu hút khách.

1.4.2.4. Phong tục tập quán

Thông thường là các phong tục có tính chất lâu dài và được hình thành dưới tác động của các điều kiện kinh tế - xã hội. Các điều kiện này thay đổi sẽ tạo ra các phong tục mới nhưng không thể xóa bỏ phong tục cũ và chúng ta có thể chấp nhận được.

Ví dụ: ở miền Bắc nước ta vào mùa xuân là mùa lễ hội như Chùa Hương, Chùa Thầy, Đền Hùng,... chiếm 74% trong tổng số lễ hội trong năm.

1.4.2.5. Điều kiện về tài nguyên du lịch

Điều kiện về tài nguyên du lịch như bờ biển đẹp, dài... mùa du lịch biển tăng và ngược lại hoặc các danh lam thắng cảnh phong phú sẽ làm tăng cường độ du lịch tham quan. Ở những vùng có suối nước khoáng tạo điều kiện du lịch chữa bệnh phát triển... Độ dài của thời vụ du lịch của một vùng phụ thuộc vào sự đa dạng của các thể loại du lịch có thể phát triển ở đó.

1.4.3. Nhân tố mang tính tổ chức – kỹ thuật

Cơ cấu của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cách tổ chức hoạt động trong các cơ sở du lịch ảnh hưởng đến việc phân bố nhu cầu theo thời gian. Chẳng hạn việc xây dựng các khách sạn có hội trường, bể bơi, các trung tâm chữa bệnh... tạo điều kiện cho các cơ sở này hoạt động quanh năm.

Việc phân bố hợp lý các hoạt động vui chơi, giải trí, tổ chức cho du khách có ảnh hưởng nhất định đến việc khắc phục sự tập trung những nhân tố tác động đến thời vụ du lịch.

Chính sách giá của các cơ quan du lịch ở từng nước, từng vùng, các tổ chức kinh doanh du lịch – khách sạn thường giảm giá các dịch vụ và hàng hóa trước và sau mùa chính hoặc dùng các hình thức khuyến mại để kéo dài thời vụ du lịch.

Các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo sẽ tác động đến sự phân bố của luồng khách du lịch giúp cho khách du lịch nắm được các thông tin về điểm du lịch để họ có kế hoạch đi nghỉ sớm hoặc sau mùa chính khi họ thấy có lợi.

Các nhân tố trên thông thường vừa tác động riêng lẻ, vừa tác động đồng thời, trong thực tế mùa du lịch thường chịu ảnh hưởng của một vài nhân tố cùng một lúc. Ngoài ra tác động của từng nhân tố có thể giảm đi khi có nhân tố khác tác động theo hướng ngược lại. Vì vậy, cần phải hiểu rõ các mối liên hệ và ràng buộc qua lại giữa các yếu tố ảnh hưởng đến độ dài mùa của từng loại hình du lịch. Từ đó để tìm ra được mọi khả năng kéo dài mùa kinh doanh du lịch hoạt động cả năm, nâng cao chất lượng phục vụ và tăng nguồn thu cho doanh nghiệp du lịch, khách sạn.

1.5.Các biện pháp khắc phục tính bất lợi của thời vụ du lịch

Để hạn chế ảnh hưởng bất lợi của thời vụ du lịch cần phải xây dựng chương trình toàn diện trong cả nước, ở các vùng du lịch.

1.5.1.Xác định khả năng kéo dài thời vụ du lịch:

- +Xác định thể loại du lịch nào phù hợp.
- +Giá trị và khả năng tiếp nhận của tài nguyên du lịch.
- +Số lượng du khách trong đó và tiềm năng.
- +Sức tiếp nhận của cơ sở vật chất – kỹ thuật du lịch.
- +Khả năng cung cấp nguồn lao động.
- +Kinh nghiệm tổ chức.
- +Khả năng kết hợp các thể loại du lịch khác nhau.

1.5.2.Hình thành thời vụ du lịch thứ hai trong năm:

Cần phải xác định được những loại hình du lịch và phải dựa trên các tiêu chuẩn sau:

+Tính hấp dẫn của các tài nguyên du lịch đưa vào khai thác cho thời vụ thứ hai.

+Xã định nguồn khách tiềm năng theo số lượng và cơ cấu.

+Lượng vốn đầu tư cần thiết để xây dựng thêm trang thiết bị nhằm thỏa mãn nhu cầu cho du khách quanh năm.

1.5.3. Nghiên cứu thị trường:

Để xác định số lượng và thành phần của luồng du khách triển vọng ngoài mùa du lịch chính, phải chú ý đến các nhóm du khách sau:

+Khách du lịch công vụ.

+Công nhân viên không được sử dụng phép năm vào mùa du lịch chính.

+Các gia đình có con nhỏ không bị hạn chế thời gian nghỉ vào mùa chính.

+Những người hưu trí

+Những người có nhu cầu đặc biệt.

Chúng ta cần nghiên cứu, nắm bắt được thông tin sở thích của các nhóm du khách về các dịch vụ du lịch chủ yếu, tạo điều kiện cho các tổ chức du lịch đổi mới cơ sở vật chất – kỹ thuật, đa dạng hóa chương trình vui chơi, giải trí, cung ứng vật tư và công tác phục vụ tốt hơn.

1.5.4. Nâng cao sự sẵn sàng đón tiếp du khách quanh năm cho cả nước, vùng và khu du lịch:

+Thực hiện sự phối hợp giữa những người tham gia vào việc cung ứng sản phẩm du lịch ngoài thời vụ du lịch chính để tạo được sự thống nhất về quyền lợi và hành động.

+Nâng cao chất lượng và cải tiến cơ sở vật chất – kỹ thuật du lịch, tạo cho nó có khả năng thích ứng để thỏa mãn nhu cầu đa dạng của du khách.

1.5.5. Sử dụng tích cực các động lực kinh tế:

+Đối với du khách, các tổ chức và công ty du lịch sử dụng chính sách giảm giá, khuyến mãi để kích thích du khách đi du lịch ngoài mùa chính.

+Khuyến khích tính chủ động của các tổ chức kinh doanh du lịch, các cơ sở trong việc kéo dài thời vụ du lịch.

Tiểu kết chương 1:

Chương 1 đã hệ thống được toàn bộ những vấn đề lí luận liên quan đến đề tài bao gồm khái niệm du lịch, khái niệm khách du lịch, tính thời vụ trong du lịch.. Tất cả những vấn đề lí luận này là cơ sở làm bài và cho thấy tầm quan trọng của tính thời vụ trong du lịch.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VÀ TÍNH MÙA VỤ CỦA DU LỊCH CÁT BÀ

2.1. Giới thiệu về khu du lịch Cát Bà

2.1.1. Khái quát về đảo Cát Bà

Quần đảo Cát Bà là quần thể gồm 367 đảo trong đó có đảo **Cát Bà** ở phía nam vịnh Hạ Long, ngoài khơi thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh, cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 30 km, cách thành phố Hạ Long khoảng 25 km. Về mặt hành chính, quần đảo thuộc huyện đảo Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Nơi đây đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới

Tương truyền xưa kia tên đảo là Các Bà, là hậu phương cho Các Ông theo Thánh Gióng đánh giặc Ân. Ở thị trấn Cát Bà hiện nay có đền Các Bà. Các bản đồ hành chính thời Pháp thuộc (như bản đồ năm 1938) còn ghi là Các Bà. Như vậy có lẽ tên gọi Các Bà đã bị đọc chệch thành Cát Bà.

Trước đây đảo Cát Bà thuộc huyện Cát Bà, năm 1977 mới sáp nhập với huyện Cát Hải thành huyện Cát Hải mới. Trước đây đảo thuộc tỉnh Quảng Yên, sau thuộc khu Hồng Quảng, đến năm 1956 mới chuyển về thành phố Hải Phòng.

Thị trấn Cát Bà hiện nay là huyện lỵ huyện Cát Hải. Trước năm 1945, thị trấn Cát Bà là phố Cát Bà, rồi đại lý Cát Bà thuộc huyện Cát Hải, tỉnh Quảng Yên. Sau năm 1945, trở thành thị xã Cát Bà. Đến năm 1957 thị xã Cát Bà đổi thành thị trấn và huyện Cát Bà mới thành lập.

Trên đảo chính Cát Bà có rừng nguyên sinh trên núi đá vôi là một nơi đang được đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái. phía đông nam của đảo có vịnh Lan Hạ, phía tây nam có vịnh Cát Gia có một số bãi cát nhỏ nhưng sạch, sóng không lớn thuận tiện cho phát triển du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng. Trên biển xuất hiện nhiều núi đá vôi đẹp tương tự vịnh Hạ Long và Bái Tử Long. Ở một số đảo nhỏ cũng có nhiều bãi biển đẹp. Con đường độc đáo chạy ven biển và xuyên qua đảo Cát Bà

- Đường xuyên đảo Cát Bà: dài 27km, có nhiều đèo dốc quanh co, men theo mép biển, xuyên qua vườn quốc gia, phong cảnh kỳ thú, non nước hữu tình.
- Vườn quốc gia Cát Bà: có diện tích 15.200 ha, trong đó có 9.000 ha rừng, 5.400 ha biển tạo nên một môi trường sinh thái lý tưởng.
- Động Trung Trang: Nằm cách thị trấn 15 km cạnh đường xuyên đảo, có nhiều nhũ đá thiên nhiên. Động này có thể chứa hàng trăm người.
- Động Hùng Sơn: Cách thị trấn 13 km, trên đường xuyên đảo. Động còn có tên Động Quân y vì trong Chiến tranh Việt Nam người ta đã xây cả một bệnh viện hàng trăm giường nằm ở trong lòng núi.
- Động Phù Long (Cái Viêng) mới tìm ra, được cho là đẹp hơn động Trung Trang
- Các bãi tắm: Cát Cò 1, Cát Cò 2, Cát Dứa (bãi tắm đảo Khi), Cát Ông, Cát Trai Gái, Đường Danh v.v... là những bãi tắm nhỏ, đẹp, kín đáo, có nhiều mưa, che nắng, cát trắng mịn, nước biển có độ mặn cao, trong suốt tới đáy. Một số bãi tắm có các khu resort như Monkey Island Resort ở đảo Khi, Nam Cát resort ở đảo Nam Cát, Cover Beach resort ở đảo Vách Đá... Người ta dự định xây dựng ở đây những "thủy cung" để con người có thể trực tiếp quan sát các đàn cá heo, tôm hùm, rùa biển, mực ống, cá mập bơi lượn quanh những cụm san hô đỏ.

Quần đảo Cát Bà có rừng mưa nhiệt đới trên đảo đá vôi, rừng ngập mặn, các rặng san hô, thảm rong - cỏ biển, hệ thống hang động, tùng áng, là nơi hội tụ đầy đủ các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học, bảo đảm các yêu cầu của khu dự trữ sinh quyển thế giới theo quy định của UNESCO.

Cát Bà đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới ngày 02 tháng 12 năm 2004. Ngày 1 tháng 4 năm 2005 tại đây đã diễn ra lễ đón nhận bằng quyết định của UNESCO và kỷ niệm sự kiện này. Việt Nam hiện có 06 khu dự trữ sinh quyển thế giới được UNESCO công nhận là: Cần Giờ, Cát Tiên, châu thổ sông Hồng, miền Tây Nghệ An, Kiên Giang và quần đảo Cát Bà.

Tổng diện tích khu dự trữ sinh quyển Cát Bà rộng hơn 26.000 ha, với 2 vùng lõi (bảo tồn nghiêm ngặt và không có tác động của con người), 2 vùng đệm (cho phép phát triển kinh tế hạn chế song kết hợp với bảo tồn) và 2 vùng chuyển tiếp (phát triển kinh tế). Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà là vùng hội tụ đầy đủ cả rừng mưa nhiệt đới trên đảo đá vôi, rừng ngập mặn, các rạn san hô, thảm rong và đặc biệt là hệ thống hang động.

Gần 60 loài đã được coi là các loài đặc hữu và quý hiếm đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam như các loài động vật: ác là, quạ khoang, voọc đầu vàng, voọc quần đùi trắng và các loài thực vật như chò đái, kim giao (*Podocarpus fleurii*), lá khô (*Ardisia* spp.), lát hoa (*Chukrasia tubularis*), dẻ hương, thổ phục linh, trúc đũa, sến mật. Ngoài ra còn 8 loài rong, 7 loài động vật đáy cũng cần được bảo vệ. Gần 60 loài đã được coi là các loài đặc hữu và quý hiếm đã được đưa vào Sách đỏ Việt Nam như các loài động vật: ác là, quạ khoang, voọc đầu vàng, voọc quần đùi trắng và các loài thực vật như chò đái, kim giao (*Podocarpus fleurii*), lá khô (*Ardisia* spp.), lát hoa (*Chukrasia tubularis*), dẻ hương, thổ phục linh, trúc đũa, sến mật. Ngoài ra còn 8 loài rong, 7 loài động vật đáy cũng cần được bảo vệ.

Lễ hội của người dân Cát Bà giống như lễ hội của những người Kinh ở khu vực khác, tuy nhiên có thêm ngày 1 tháng 4 dương lịch là lễ hội ngày Bác Hồ về thăm làng cá. Còn có thêm lễ hội "Đền Bà" ở xã Hiền Hào. Đây cũng là một trong những lễ hội lớn của người dân địa phương. ngoài ra còn rất nhiều lễ hội khác

2.1.2. Vị trí địa lý

Quần đảo Cát Bà nằm ở khoảng vĩ độ 20 độ 48' Bắc, kinh độ 107 độ Đông. Phía Tây tiếp giáp với đảo Cát Hải và chỉ cách đảo 1 km, phía Bắc và Đông Bắc tiếp giáp với vịnh Hạ Long, còn 3 phía Đông, Nam, Tây Nam đều hướng ra biển. Vị trí này là một thế mạnh cho Cát Bà phát triển loại hình du lịch phổ biến nhất hiện nay- Du lịch biển.

Xét về mặt địa lí, Cát Bà có vị trí khá thuận lợi đối với phát triển kinh tế xã hội của địa phương như khai thác thủy hải sản, phát triển nghề cá, thương mại, đặc biệt là hoạt động du lịch.

Với thế mạnh về vị trí địa lí, Cát Bà có rất nhiều các bãi biển đẹp như: Cát Cò 1, 2, 3, Cát Dứa, Ba trái đào, Cát Ông,..., các bãi san hô rộng lớn. Thế giới động thực vật ở đây vô cùng phong phú với nhiều loài đặc trưng như: Kim giao, Voọc đầu trắng,... Đây là những điểm hấp dẫn thu hút rất nhiều khách du lịch đến với Cát Bà.

2.1.3. Dân cư

Cát Bà là một đơn vị hành chính thuộc huyện đảo Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, trung tâm hành chính, kinh tế của cả huyện đảo lại được đặt tại Cát Bà. Điều này cũng đem lại sự thuận lợi cho việc quản lý và tổ chức hoạt động du lịch trên đảo Cát Bà và huyện Cát Hải.

Trên một diện tích 200km² của toàn bộ hòn đảo hiện có khoảng 15.000 dân sinh sống, phân bố tại thị trấn Cát Bà và 6 xã còn lại là: Gia Luận, Trân Châu, Xuân Đám, Việt Hải, Hiền Hào và Phù Long. Mật độ dân cư phân bố không đồng đều tập trung tại thị trấn khá đông, số còn lại rải rác ở các xã.

Người dân trên đảo Cát Bà hầu hết là dân di cư từ đất liền ra sống chủ yếu bằng nghề đánh cá, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi trồng trọt và kinh doanh dịch vụ. Hiện tại thành phần dân cư trên đảo khá đa dạng do các cuộc di dân, do cư dân từ nơi khác đến làm ăn, buôn bán, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Ngoài ra, tại Cát Bà luôn có một số lượng nhất định ngư dân từ miền Trung (Quảng Ngãi, Thanh Hóa,...) neo đậu trong những chuyến đi biển dài ngày. Điều đó góp phần tạo nên sự sôi động của đời sống trên hòn đảo du lịch này.

Ngoài ra các ngư dân trên đảo có một số lượng không nhỏ cư dân sống trôi nổi trên biển, phần nhỏ là trên các thuyền đánh cá kiêm nhà ở. Phần còn lại, họ sống trên các ngôi nhà nổi gần bờ mà thực chất là bè nuôi cá. Hiện tại, xung quanh đảo Cát Bà có hàng trăm ngôi nhà nổi như vậy hình thành nên các

cụm dân cư riêng biệt. Khách du lịch trên Cát Bà rất thích thú khi được ngắm nhìn các khu dân cư trên biển như này. Vào ban đêm, các nhà thuyền này thường bật điện sáng để đánh bắt mực tạo nên một khung cảnh lung linh thu hút sự chú ý của khách du lịch.

Đặc biệt, Cát Bà hôm nay còn hấp dẫn du khách trong và ngoài nước bởi làng Việt Hải. Đây là làng có dân cư sinh sống lâu nhất của đảo Cát Bà. Đời sống nhân dân vẫn dựa vào thiên nhiên là chủ yếu. Tuy vậy nhưng nơi đây lại thu hút khách du lịch muốn tìm hiểu về nét văn hóa bản địa và tham gia vào những hoạt động sinh hoạt thường ngày của người dân nơi đây. Làng Việt Hải hiện nay vẫn đang được đầu tư xây dựng thành một điểm du lịch mới. Cát Bà vừa khôi phục, bảo tồn vừa phát huy những giá trị truyền thống văn hóa của người dân trong làng, đồng thời thu hút thêm lượng khách đến với Cát Bà và kéo dài thêm thời gian của khách du lịch khi đến tham quan đảo.

Nhìn chung, đời sống dân cư trên đảo Cát Bà khá ổn định, Đảo có diện tích không lớn nhưng có nhiều địa phương khác nhau, làm phong phú thêm nét đẹp truyền thống văn hóa của đảo, bởi dân cư trên đảo đều có chung cốt cách của người đi khai phá mạnh mẽ và táo bạo. Do vậy, họ tiếp thu những cái mới có lợi cho họ. Đó cũng chính là tiềm năng, thuận lợi cho sự phát triển du lịch Cát Bà vào mùa thấp điểm.

2.2. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch tại đảo Cát Bà

2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.1.1. Địa hình

Địa hình có ảnh hưởng sâu sắc đến kiến trúc cảnh quan, vì thế, mỗi hộ phận địa hình đóng một vai trò như tài nguyên du lịch. Hay nói cách khác, mỗi một điểm du lịch đều có những đặc điểm địa hình riêng biệt, độc đáo, nó chính là yếu tố thu hút khách du lịch.

Sự lôi cuốn của Cát Bà không chỉ ở vị trí trời phú mà còn ở điều kiện tự nhiên đã ưu ái dành tặng cho hòn đảo ngọc này. Hình thái địa hình của đảo khá

phức tạp. Đảo Cát Bà là một vùng đồi, núi pha trộn nhiều dạng địa hình. Dựa vào các chỉ tiêu về độ cao, độ dốc, mật độ chia cắt, có thể chia thành các dạng địa hình khác nhau như:

- Núi thấp, chia cắt mạnh là kiểu địa hình chủ yếu ở đảo Cát Bà. Hầu hết các đỉnh núi có độ cao khoảng 100 – 150m. Đỉnh núi cao nhất – ngọn Cao Vọng 331m thuộc phần Tây đảo Cát Bà. Có cảnh vật như “Bồng lai tiên cảnh”, có “bàn cờ tiên” ẩn dưới những gốc cây cổ thụ và hương rừng đỗi quyên quyến rũ.

Đặc điểm nổi bật nhất của núi trên đảo là đỉnh nhọn, sắc, dốc đứng hiểm trở và nhiều hang động đẹp không kém vùng Bắc Ninh, đặc trưng cho địa hình Karst nhiệt đới, Karst ngập nước ở Đông Bắc Việt Nam: Hang nàng Tiên, động Trung Trang (dài khoảng 1000m), động Cao Vọng, động Hùng Sơn,... Hầu hết các hang động ở đây phần lớn có độ dài dưới 200m, hang dài nhất không quá 1000m. Vị trí cửa hang đều tập trung ở mức 10 – 30m so với mặt đất. Tuy về kích thước các hang động không lớn nhưng các hang động lại có hình thái khá đẹp, nhiều thạch nhũ, nhiều ngách và thường gắn liền với quá trình chống giặc ngoại xâm anh dũng của dân tộc. Một số hang trên đảo Cát Bà trước đây đã được các nhà khảo cổ khảo sát và tìm được hóa thạch răng người tiền sử và các công cụ bằng đá thời văn hóa Hạ Long. Vì vậy đây là nguồn tài nguyên có giá trị lớn, không những hấp dẫn du khách bốn phương mà còn là tiền đề thuận lợi cho việc phát triển du lịch địa phương trong thời điểm hiện tại và lâu dài.

Những ngọn núi cao sừng sững ở phía Đông Nam đảo Cát Bà như những tấm bình phong khổng lồ kết hợp với nhiều vách núi đâm thẳng ra biển, ngăn chặn gió lạnh phương Bắc làm cho vùng đảo này sóng nước luôn êm ả, hiền hòa. Vùng trung tâm đảo, núi non đan xen trùng điệp tạo thành những thung lũng trù phú. Sự có mặt của kiểu địa hình đặc sắc này cũng chính là yếu tố thu hút khách du lịch đến với Cát Bà ngày càng nhiều.

Các bờ biển xung quanh quần đảo Cát Bà mang kiểu bờ biển mài mòn hóa học. Cát Bà chủ yếu là núi đá vôi, có đường biển khúc khuỷu, độ dốc lớn, bờ

biển hẹp, bị chia cắt mạnh. Bờ biển có nhiều mũi đá nhỏ xen kẽ với các vụng nhỏ hình dáng không nhất định tạo thành do kết quả quá trình hòa tan đá vôi trong điều kiện ngập mặn. Nhiều vách núi đâm thẳng ra biển tạo thành các vịnh nhỏ, bãi cát trải dài, phẳng mịn, nước trong vắt, soi rõ đáy cát như bãi Cát Cò I, Cát Cò II,... Đó là những bãi tắm đẹp nổi tiếng có sức hút mạnh đối với khách du lịch trong và ngoài nước.

Nhìn chung, địa hình Cát Bà so với các khu vực khác ở miền Bắc và miền Trung là tương đối đặc biệt và khá đa dạng, làm nền tảng cho cảnh quan tự nhiên, tạo nên những nét đẹp độc đáo và phong phú cho phong cảnh mà trên đó có thể phát triển nhiều loại hình du lịch cùng một lúc: du lịch tham quan, du lịch sinh thái, du lịch leo núi, du lịch nghiên cứu, du lịch lặn biển,... Hơn nữa, địa hình đã tạo nên cho Cát Bà một vụng kín gió, luồng lạch thuận tiện và nhiều chỗ neo đậu, tránh các biến động bất thường về sóng bão. Đó là những ưu đãi lớn và rất độc đáo mà địa hình nơi đây dành tặng cho hoạt động du lịch của đảo, cần được bảo tồn và phát huy nguồn tài nguyên phong phú này.

2.2.1.2. Khí hậu

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra môi trường du lịch. Các điều kiện nhiệt độ, độ ẩm có ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của khách du lịch. Do vậy, việc phát triển có hiệu quả ngành du lịch tại đảo có tác dụng hạn chế những tác động xấu của thời tiết tạo nên khí hậu Cát Bà thuận tiện như hiện nay. Cát Bà có những ưu thế về khí hậu, cũng tương tự như những điểm du lịch khác ở ven biển phía Bắc, khí hậu Cát Bà bị chi phối sâu sắc bởi biển. Ảnh hưởng của biển làm điều hòa khí hậu khu vực đảo, giảm bớt các ảnh hưởng cực đoan về nhiệt độ và độ ẩm, mùa hè, thời tiết ở Cát Bà không quá oi bức, mùa đông không quá lạnh. Khí hậu Cát Bà mang tính nhiệt đới nóng ẩm và gió mùa, chia làm hai mùa rõ rệt:

- Mùa hè, từ tháng 5 đến tháng 9, khí hậu nóng ẩm gần trùng với mùa mưa nhiều, rất thuận lợi cho hoạt động du lịch, đặc biệt là tắm biển. Mùa hè

cũng là mùa đông khách của hoạt động du lịch trên đảo. Tháng 4 và tháng 10 là các tháng chuyển tiếp.

- Mùa đông: mang tính lạnh, hạn chế các nhu cầu nghỉ ngơi tắm biển, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, đồng thời cũng chính là mùa vắng khách trên đảo.

Ngoài ra, nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa chịu ảnh hưởng của đại dương nên các chỉ số trung bình về nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa cũng tương đương như các khu vực xung quanh. Cụ thể là:

- Lượng mưa: 1.700-1.800 mm/năm, dao động theo mùa. Mùa mưa chủ yếu là tháng 7, 8.
- Nhiệt độ trung bình: 25-28 °C, dao động theo mùa. Về mùa hè có thể lên trên 30 °C, về mùa đông trung bình 15-20 °C nhưng có thời điểm có thể xuống dưới 10 °C (khi có gió mùa đông bắc).
- Độ ẩm trung bình: 85%.
- Dao động của thủy triều: 3,3-3,9 mét.
- Độ mặn nước biển: Từ 0,930% (mùa mưa) đến 3,111% (mùa khô)

Khí hậu Cát Bà thường xuyên biến động, rõ nhất là sự biến động của yếu tố nhiệt độ trong mùa mưa đông và yếu tố mưa trong mùa hạ. Tuy nhiên, vì Cát Bà nằm giáp biển Đông nên hàng năm Cát Bà vẫn xuất hiện các hiện tượng thời tiết bất thường như:

- Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào tháng 7,8,9,10. Hàng năm, có từ 3 – 5 lần đổ bộ vào Cát Bà. Bão thường gây mưa lớn trên toàn khu vực, gây tổn hại lớn đến các công trình phục vụ khách du lịch.

- Đông: Hàng năm, có khoảng 40 – 50 ngày có đông lớn. Đông thường xuyên xuất hiện vào mùa hạ. Đôi khi đông có kèm theo cả gió lốc và mưa đá, hiện tượng vòi rồng gặp trên biển gây trở ngại rất lớn cho tàu bè qua lại và hạn chế việc tổ chức hoạt động du lịch trên địa bàn, đồng thời, hiện tượng này sẽ tác

động tiêu cực đến tâm lý du khách khi chọn Cát Bà là điểm đến trong mùa hè.

2.2.1.3. Đặc điểm hải văn và tài nguyên nước

**Hải văn:* Chế độ thủy triều ở Cát Bà theo chế độ nhật triều thuận nhất. Mực triều trung bình từ 3,3 – 3,5 m. Mùa mưa thủy triều lên cao vào buổi chiều còn mùa khô lại lên cao vào buổi sáng.

Độ mặn nước biển tương đối ổn định, đồng đều trung bình 31 – 32‰ (mùa khô), 26 – 27‰ (mùa mưa) Nhiệt độ nước biển trung bình các tháng 4 – 11 và 23°C phù hợp cho tắm biển và sự phát triển của một số loài hải sản như: Ngọc trai, cá Song, Tu hài,...

**Tài nguyên nước:* đóng một vai trò rất quan trọng trong nhu cầu sinh hoạt của cư dân trên đảo và khách du lịch. Một số nguồn tài nguyên nước đặc biệt như nước khoáng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hoạt động du lịch tại đảo. Đảo Cát Bà có nguồn nước biển, có suối ngầm cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt, có suối khoáng chữa bệnh và làm nước giải khát.

- *Nước biển:* Bao bọc xung quanh đảo Cát Bà là biển. Nước biển tại Cát Bà có độ đục thấp, thường là dưới 10g/m³. Nước khá trong, vào những ngày thường có thể nhìn qua lớp nước xuống độ sâu 5 – 7m. Chế độ nhật triều lớn có biên độ lớn, 4 – 4,3m, tạo nên những thay đổi về diện mạo bờ biển, tăng thêm tính đa dạng cho cảnh quan bờ biển. Thủy triều dâng cao vào ban ngày, mùa hè rất thuận lợi cho các tuyến du lịch bằng thuyền nhưng lại hạn chế thời gian tắm ở các bãi trên đảo.

Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu về hàm lượng oxy tiêu hao bởi sinh học là không cao. Điều này chứng tỏ hoạt động của vi khuẩn và sinh vật phù du trong nước vào thời kỳ cuối xuân và đầu hè là khá cao, khả năng tự làm sạch nước tốt.

- *Nước khoáng:* Cát Bà có nguồn tài nguyên nước khoáng có giá trị lớn về du lịch. Trên đảo có suối nước khoáng Thuồng Luồng thuộc xã Trân Châu, chảy ra từ chân núi đá vôi với lưu lượng lớn. Hiện nay, Cát Bà cũng phát triển thêm một số khoáng ngầm là những “túi nước” có trữ lượng hàng vạn mét

khối. Xã Xuân Đám có nguồn nước khoáng nóng, chảy quanh năm với độ nóng 38oc.

Nước khoáng Cát Bà còn có tác dụng chữa một số bệnh về tuần hoàn, tiêu hóa, hô hấp và giải khát. Năm 1985 – 1986, xí nghiệp điện nước Cát Bà xuất thử 500.000 chai nước khoáng. Với điều kiện bình thường như hiện nay, có khả năng đảm bảo sản xuất và tiêu thụ 6 – 9 triệu chai/ năm. Điều này không chỉ giúp nhân dân địa phương có công ăn việc làm mà còn phục vụ khách du lịch đến thăm Cát Bà.

2.2.1.4. Tài nguyên động thực vật

Tài nguyên động, thực vật góp phần làm sinh động thêm cho điểm du lịch và cũng là đặc sản làm nên nét riêng biệt của mỗi địa phương, là tài sản quý hiếm của mỗi điểm du lịch và của cả nước. Vì vậy, bảo tồn hệ thống động, thực vật là việc làm cần thiết của bất kì nơi nào để phát triển bền vững.

Đảo Cát Bà là thảm rừng nhiệt đới xanh quanh năm, có khu rừng nguyên sinh với nhiều loài chim, thú, bò sát và thảm thực vật quý hiếm. Ngoài ra, đảo còn có giá trị lớn về hải sản, hệ sinh thái rừng ngập mặn, có ao hồ trên núi đá vôi, góp phần làm phong phú về các hình thức du lịch trên đảo.

**Hệ thực vật:*

Cát Bà có khí hậu nhiệt đới gió mùa bị chi phối mạnh bởi biển nên thực vật xanh tốt và sinh trưởng mạnh mẽ quanh năm. Rừng trên đảo nguyên là rừng rậm nhiệt đới, nhưng do bị tác động mạnh của con người nên hầu hết đã bị thay bằng thực bì thứ sinh nghèo nàn hơn: thành phần cây ít, chủ yếu là loại ưa đó vôi, tầng trưởng chậm nên thường không cao, ít tầng tán, ít cây leo. Tại trung tâm đảo Cát Bà hiện vẫn còn rừng rậm nhiệt đới xanh quanh năm được bảo tồn khá nguyên vẹn.

Đa dạng với 20.000 ha rừng, trong đó có 570 ha rừng nguyên sinh. Theo điều tra hiện nay trong vườn quốc gia Cát Bà đã có 745 loài thực vật bậc cao thuộc 495 chi và 149 họ thực vật. Trong số thực vật đã xác định có thể chia thành:

- Cây gỗ lớn – 145 loài
- Cây gỗ nhỏ - 120 loài
- Cây bụi – 81 loài
- Thân thảo đứng – 237 loài
- Thân thảo leo – 56 loài
- Cây nửa bụi dây leo – 50 loài

Những đặc điểm nổi bật của hệ thực vật rừng Cát Bà

- Có nhiều loài thực vật vùng đảo đá Đông Bắc đều có mặt ở Cát Bà
- Có nhiều loài gốc quý, hiếm ở Việt Nam như kim giao(đặc hữu), lát hoa(quý), chỏ đãi(đặc hữu), trai(quý), đinh(quý), gôi nếp(quý), cọ Bắc Sơn(đặc hữu).
- Bên cạnh các loài thực vật có nguồn gốc tại chỗ còn nhiều loài thực vật có nguồn gốc từ khu hệ lân cận như long não, gạo, hoan hài,...
- Vườn còn có nhiều loài có thể làm thuốc quý 250/745 loài có thể làm thuốc chữa bệnh, đáng chú ý nhất là thuyết giáo, hương nhu, bình vôi, kim ngâu...

**Hệ động vật rừng:*

Theo kết quả điều tra, quan sát và phân loại, động vật rừng Cát Bà gồm các loại chim, thú, ếch, nhái, bò sát.

Bảng1: Phân loại động vật rừng tại Vườn quốc gia Cát Bà

STT	Tên lớp	Số bộ	Số họ	Số giống	Số loài
1	Thú	5	10	6	20
2	Chim	13	34	60	69
3	Bò sát	2	9	15	15
4	Ếch nhái	1	5	11	11
	Tổng	21	58	92	115

Nguồn: Hội khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam

Toàn bộ động vật tại Vườn quốc gia Cát Bà có thể chia theo các nhóm sau:

- -Động vật đặc hữu – 1 loài
- -Động vật quý hiếm – 5 loài
- -Động vật có thể làm thuốc – 20 loài
- -Động vật cho da và lông quý – 9 loài
- -Động vật làm cảnh xuất khẩu – 15 loài
- -Động vật cho thịt – 23 loài

Sự phân bố các loài động vật quý hiếm trên đảo không đều. Hiện tại các loài khỉ vàng, sơn dương phân bố rải rác ở các thung, áng dân cư. Voọc đầu trắng – loài vật đặc hữu duy nhất trên thế giới – tập trung ở các vách núi bên cửa sông Việt Hải, Lạch Tàu, Trà Báu,... Toàn đảo Cát Bà ước tính số lượng Voọc đầu trắng khoảng trên dưới 300 cá thể. Đây là loài động vật cực quý hiếm, là biểu tượng của vườn quốc gia Cát Bà. Chim quý, đặc biệt là chim Cu Gáy phân bố dọc tuyến Trung Trang – Áng Sỏi, Trung Trang – Móc Trắng.

**Hệ sinh thái biển*

Số lượng sinh vật biển của đảo Cát Bà rất đa dạng về thành phần loài, phong phú về số lượng. Điều đó góp phần làm phong phú các nguồn hải sản và nhiều loài đặc sản quý của cá nước lợ và nước biển, làm tăng giá trị, chất lượng các đặc sản địa phương cũng như cảnh quan môi trường nước. Theo thống kê, vùng biển Cát Bà có những loài động thực vật biển với số lượng:

- Động vật phù du – 98 loài
- Thực vật phù du – 199 loài
- Rong biển – 75 loài
- San hô – 177 loài
- Thực vật ngập mặn – 23 loài

Sinh vật biển đảo Cát Bà được đánh giá là phong phú và đa dạng vào bậc nhất của vùng biển đảo miền Bắc Việt Nam. Đây không chỉ là nơi lưu giữ và phát tán nguồn gen lớn của vịnh Bắc Bộ mà còn có nhiều loại có giá trị kinh tế quý hiếm. Rong biển(8 loài: rong guội, rong đá cong, rong mơ mêm,...),động

vật đáy(7 loài: ốc đụn đục, trai ngọc,...), bò sát (5 loài: đồi mồi, rùa da, vích,...), chim biển(4 loài: cốc đế, cò thìa, yến núi, mang biển đen)

Ngoài ra, đảo Cát Bà còn thu hút khách du lịch bởi các rạn san hô tại vùng biển Đông Nam đảo kéo dài đến Hang Trai – Đấu Bê rất có giá trị cho bảo tồn và du lịch và cũng là một trung tâm phát tán nguồn gen của Vịnh Bắc Bộ. Tại các rạn này, có nhiều loài cá sinh sống như: cá thìa, các nóc, cá bàng chài,...

Cát Bà có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên khá đa dạng và phong phú, được hình thành bởi đặc điểm tổng hợp các yếu tố địa chất – địa hình, khí hậu, thủy văn, lớp phủ thực vật và thế giới động vật. Điều này đã tạo nên cho Cát Bà một dáng vẻ riêng có thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với hòn đảo ngọc của vịnh Hạ Long này. Sự kết hợp giữa việc khai thác nguồn tài nguyên quý hiếm này phục vụ du lịch với các hoạt động phát triển bền vững sẽ đem lại cho Cát Bà không chỉ là điểm đến thân thiện của thành phố Hải Phòng mà còn là của đất nước Việt Nam.

****Đánh giá về tài nguyên du lịch tự nhiên***

Bảng2: Tài nguyên du lịch tự nhiên ở Cát Bà

Tên tài nguyên	Số lượng	Tên tài nguyên	Số lượng
-Núi đồi(ha)	336	-Nguồn nước:	
-Rừng(ha)	2950	+Nước khoáng	1
+Rừng ngập mặn	350	+Nước nóng:	1
+Rừng nguyên sinh	2500	-Bãi tắm	139
+Rừng trồng	100	-Hang động	87

Nguồn: Sở du lịch Hải Phòng

Như vậy với địa hình đa dạng, nguồn tài nguyên phong phú, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng với bốn bề núi đá vôi lô xô, trập trùng ẩn hiện trong màu xanh bạt ngàn của các cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới trên đảo núi đá vôi, các hệ sinh thái cùng các rạn san hô, hệ thống hang động đã tạo cho Cát Bà một sức hấp dẫn đặc biệt. Hiện nay khách du lịch đến với Cát Bà, ngoài sự hấp dẫn của những bãi tắm thì tài nguyên thiên nhiên vốn có của Cát Bà cũng làm du khách cảm thấy hứng thú hơn với chuyến đi.

Tuy nhiên vào mùa thấp điểm, tài nguyên du lịch tự nhiên lại chưa phát huy được những lợi thế vốn có của nó. Điển hình là việc khách du lịch khi nhắc đến Cát Bà người ta đã vội nhận định ngay ở đó có biển, giương như khách du lịch chưa thấy được vẻ đẹp và tiềm năng của du lịch tự nhiên nơi đây. Thực trạng vào mùa thấp điểm, tài nguyên du lịch tự nhiên tại đảo Cát Bà chưa được quan tâm và đầu tư một cách nghiêm túc.

Với những lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên sẵn có, Cát Bà có thể sử dụng chính nguồn tài nguyên này vào giai đoạn mùa du lịch thấp điểm trong năm. Là cơ sở để Cát Bà phát triển loại hình du lịch như: Du lịch nghỉ dưỡng, Du lịch thể thao, Du lịch sinh thái, Du lịch tham quan thắng cảnh, Du lịch cộng đồng.

2.2.2. Tài nguyên nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để phát triển loại hình du lịch văn hóa, một trong những loại hình du lịch phổ biến nhất trên thế giới. Để đóng góp vào sự phát triển thành công của một vùng thì sự kết hợp giữa hai loại tài nguyên: tự nhiên và nhân văn là hết sức quan trọng. Hơn nữa, nằm trong cùng một quần thể thì sự hỗ trợ bổ sung cho nhau của hai loại hình du lịch: sinh thái và văn hóa là thực sự cần thiết, tạo nên sức hấp dẫn và sự đa dạng cho sản phẩm du lịch của một vùng.

2.2.2.1. Các di tích khảo cổ học

Vùng đất cổ Cát Bà được hình thành từ cuối nguyên đại cổ sinh sớm (cách ngày nay khoảng 410 triệu năm) nhờ chuyển động tạo núi Celadoni và chế độ lục địa kéo dài suốt nguyên đại Trung sinh (cách ngày nay khoảng 240 - 267 triệu năm). Các nhà địa chất đã phát hiện được nhiều di tích hóa thạch động vật và thực vật cổ xa lưu giữ trong các trầm tích ở Cát Bà phản ánh những biến cố địa chất lớn và tiến hóa của sự sống hàng trăm triệu năm tại miền đất này.

Cát Bà là một trong những nơi có nhiều di chỉ khảo cổ có giá trị lịch sử thuộc nền văn hóa Hạ Long, nền văn hóa của cha ông từ thời kì dựng nước. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà khảo cổ học đã phát hiện ở đây trên 70 di chỉ khảo cổ học thuộc các nền văn hóa Sơn Vi, Soi Nhụ cách đây 2000 – 4000

năm. Họ đã tìm thấy ở dưới lớp đất sâu các công cụ bằng đá ghè, đẽo, các loại chày đá hình tháp, bàn nghiền đá, đồ gốm thô sơ, bếp đun với dấu vết than tro. Lớp đất nông phía trên là những công cụ bằng đá đã được mài, các đồ bằng gốm, đồ trang sức được chế tác tiến bộ, hoa văn đẹp và tinh vi hơn. Những di chỉ này không nằm tập trung mà phân tán ở các khi vực Xuân Đám, Hiền Hào. Đặc biệt là di chỉ Cái Bèo được một nhà khảo cổ học người Pháp phát hiện năm 1938, qua nhiều lần khai quật và kết quả phân tích cho biết người Việt Cổ có mặt ở đây trên 6000 năm.

Tại di chỉ Cái Bèo người ta đã phát hiện một lượng lớn các di vật thuộc thời kì đá mới như Đồ đá, đồ gốm và xương răng động vật. Đồ đá có các loại hình như rìu, đục, công cụ mũi nhọn, bàn mài và các công cụ sản xuất. Đồ gốm được trang trí nhiều hoa văn khác nhau như Văn đan, khắc vạch, văn thừng. Qua các di vật này người ta biết được cư dân ở đây đã biết làm sợi lưới vó và làm nghề đánh bắt hải sản.

Theo báo cáo nghiên cứu khảo cổ học Cát Bà của viện khảo cổ học, ở Cát Bà hiện có: trên 20 di chỉ hang động núi đá chứa di tích người tiền sử, 42 di tích chưa di tồn và di vật thời tiền sử, 7 di tích chứa di vật thuộc các thời kì lịch sử, 2 di tích có liên quan đến truyền thuyết lịch sử.

2.2.2.2. Các di tích lịch sử

Tương truyền xưa kia đảo có tên là Các Bà vì nơi đây từng là hậu phương của các ông theo Thánh Gióng đánh giặc Ân, sau đợc chệch ra thành đảo Cát Bà. Ở thị trấn Cát Bà hiện nay còn có đền Các Bà trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm phương Bắc. Hòn Cẩm Thạch của xã Gia Luận đã từng là nơi tập kết giấu cọc gộc góp phần làm nên chiến thắng quân Nam Hán trong trận Bạch Đằng Giang của Ngô Quyền (938)

- Ngôi miếu cổ Văn Chấn, có kiến trúc tinh xảo vào thời kì Hậu Lê (thế kỉ 15). “Tân tạo thạch bia” ở chùa Gia Lộc là một khối đá 4 mặt chạm khắc hoa văn sinh động hiếm thấy đợc tạo dựng từ thời Cảnh Thịnh tứ niên năm 1797. Đình Đôn Lương có nghệ thuật điêu khắc tuyệt diệu thể hiện đợc tài nghệ một thời.

- Tại xã Xuân Đám còn lại một phần kiến trúc bực tượng thành xếp đá được xây dựng từ thời nhà Mạc thế kỉ 16. Đặc biệt ở chùa Hòa Hy kiến trúc còn tương đối nguyên vẹn, có nhiều pho tượng độc đáo, những nét hoa văn chạm trên bia đá hiếm thấy trên các bia chùa của miền Bắc, hay tấm văn chạm trên bia ở đình làng Hoàng Châu còn lưu danh các sinh đồ Quốc Tử Giám như Nguyễn Khắc Minh, Bùi Quang Trinh, Vũ Tiến Tước.

- Đảo Cát Bà còn là nơi lưu giữ rất nhiều các chiến tích lịch sử trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, những chiến thắng oanh liệt của quân dân trên đảo thể hiện tinh thần yêu nước và một nền văn hóa đáng tự hào.

2.2.2.3. Lễ hội

Cùng với các di tích lịch sử văn hóa, ở Cát Bà còn có nhiều lễ hội truyền thống của sức hút khách du lịch như:

- Lễ ra biển: Được tổ chức tại làng chài Trân Châu vào tháng Giêng âm lịch hàng năm

- Lễ đền Hiền Hào: Được tổ chức vào 21 – 1 âm lịch với lễ cầu phúc ở đền Cô - Lễ hội kỉ niệm ngày Bác Hồ về thăm làng cá (1-4-1959) diễn ra vào 1 – 4 dương lịch hàng năm. Đây là lễ hội được tổ chức lớn nhất trong năm với các hoạt động văn hóa sôi nổi như Hội đua thuyền rồng trên biển, đua thuyền thúng, bơi trải,... thu hút được sự chú ý của đông đảo du khách từ mọi miền và đây cũng là cơ hội để Cát Bà quảng bá hình ảnh của mình trước mỗi mùa du lịch bắt đầu.

- Hội đền Các Bà được tổ chức vào tháng 10 âm lịch.

**Đánh giá tiềm năng về tài nguyên du lịch nhân văn tại đảo Cát Bà*

Bảng 3: Tài nguyên du lịch nhân văn ở Cát Bà

Tên tài nguyên	Số lượng	Tên Tài nguyên	Số lượng
- Công trình văn hóa	14	+ Đền	2
+ Chùa	3	+ Công trình văn hóa khác	2
+ Đình	2	- Di chỉ khảo cổ	70
+ Miếu	5	- Lễ hội	4

Nguồn: Sổ du lịch Hải Phòng

Nếu so với tài nguyên du lịch tự nhiên thì tài nguyên tu lịch nhân văn trên đảo Cát Bà ít phong phú hơn về số lượng, chủng loại. Hiện nay toàn đảo Cát Bà mới chỉ có 4 công trình văn hóa.

Vào mùa thấp điểm lại chỉ có duy nhất một lễ hội là hội đèn Các Bà được tổ chức vào tháng 10 âm lịch. Điều này rất khó có thể thu hút khách du lịch đến với đảo Cát Bà vào mùa thấp điểm nếu chỉ dựa vào điều kiện du lịch nhân văn.

2.3.Thực trạng du lịch tại đảo Cát Bà mùa thấp điểm

2.3.1.Thực trạng khách du lịch

Với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảo Cát Hải giai đoạn 2015 – 2020, du lịch Cát Bà đã đạt được những kết quả khả quan và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn mang lại nguồn ngân sách lớn cho địa phương, tạo ra công ăn việc làm cho người dân trên huyện. Năm 2017 việc khánh thành Cầu vượt biển Đình Vũ – Cát Hải (hay còn được gọi là Cầu vượt biển Tân Vũ - Lạch Huyện I) là cầu vượt biển dài nhất Việt Nam và một trong những cầu vượt biển dài nhất Đông Nam Á. Đã tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đặc biệt là người dân Hải Phòng, Hà Nội và các tỉnh, thành phố lân cận đã chọn Cát Bà là điểm du lịch ngày lễ, cuối tuần lí tưởng. Bên cạnh đó có cả khách quốc tế, vì vậy lượng khách du lịch đến với Cát Bà ngày một tăng. Số lượng khách đến với Cát Bà năm 2007 chỉ có 729.000 lượt khách nhưng đến năm 2018 đã tăng lên 2.550.000 lượt khách, gấp 3 so với 2007.

****Khách nội địa***

Khách du lịch nội địa đến Cát Bà bao gồm khách trong thành phố, Hà Nội và các tỉnh khác trong nước. Trong số này hầu hết là những người đến để nghỉ mát vào cuối tuần như thương thân, cán bộ nhà nước, sinh viên, học sinh và gia đình.

Số lượng khách nội địa đến Cát Bà trong năm 2014 chỉ có 660.000 lượt khách nhưng đến năm 2018 đã tăng lên 2.050.000 lượt khách, gấp hơn 3 lần so với 2012. Điều này khẳng định Cát Bà đã trở thành một điểm du lịch hấp dẫn được khách du lịch lựa chọn, và lí do chính làm lượng khách đến Cát Bà tăng là

do phương tiện và thời gian để đến đảo Cát Bà đã được đơn giản và rút ngắn đi rất nhiều.

Tuy nhiên lượng khách du lịch đến với Cát Bà hiện nay chỉ tập trung vào khoảng thời gian từ cuối tháng 5 đến tháng 8 trong năm. Bởi đây là khoảng thời gian mà đảo Cát Bà phát triển mạnh về du lịch biển đảo. Khách du lịch đến với Cát Bà vào dịp này sẽ được đắm chìm vào không gian thoáng mát của biển cả, tránh xa bộn bề công việc với hàng loạt các hoạt động như: tắm biển, thăm vịnh Lan Hạ, câu mực đêm,...

Còn vào các tháng còn lại tức là mùa đông (mùa thấp điểm) thì lượng khách nội địa giảm mạnh bởi quan niệm đã được hình thành từ trước đó rằng “ Mùa hè đi biển, mùa đông lên núi”. Đồng thời do chưa có được sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn nên khả năng giữ khách lưu trú dài ngày bị hạn chế. Nhiều đoàn khách nội địa chỉ tổ chức tham quan Cát Bà trong ngày và kết quả sẽ làm giảm số ngày lưu trú của khách du lịch.

**Khách quốc tế*

Cát Bà nằm gần tỉnh Quảng Ninh, địa phương có cửa khẩu quốc tế với thị trường du lịch to lớn là Trung Quốc, nằm trên đường biển quốc tế, đồng thời lại nằm trong khu di sản thiên nhiên Hạ Long, vì vậy lượng khách đến với Cát Bà trong những năm qua tăng mạnh. Nếu như năm 2014 là 334.000 lượt khách quốc tế đến Cát Bà thì năm 2018 là 660.00 lượt khách.

Khách quốc tế có khoảng thời gian đến du lịch tại đảo Cát Bà đa dạng hơn khách nội địa. Vào mùa vụ của Cát Bà, nơi đây đón các đoàn khách quốc tế bằng đường biển đến từ các nước Mỹ, Anh, Đức, Canada, Trung Quốc... Đặc biệt vào mùa đông (mùa thấp điểm) thì lượng khách quốc tế đến với Cát Bà chiếm trên 80% tổng lượng khách mùa thấp điểm là khách Trung Quốc.

Theo dự báo, lượng khách quốc tế đến với đảo Cát Bà đến năm 2020 là 750.000 lượt khách, và hiện này số lượng này đã ở mức hơn 600.000 lượt khách. Điều này chứng tỏ lượng khách đến với Cát Bà sẽ còn tăng hơn nữa so với dự kiến. Điều đó khẳng định là Cát Bà đang được quan tâm và biết đến rộng rãi,

nhưng sự chênh lệch giữa lượng khách vào mùa cao điểm và mùa thấp điểm rất lớn. Tạo nên tính thời vụ rõ rệt tại đảo Cát Bà.

Bảng 4: dự báo lượng khách quốc tế đến Cát Bà

Đơn vị: Nghìn lượt

Địa điểm	Hạng mục	2010	2014	2018	2020
Hải Phòng	Số lượt khách	250	334	600	750
	Ngày lưu trú trung bình (ngày)	2,3	3,4	3,4	4,0
	Tổng số ngày khách	750	1330	2400	3.000
Cát Hải	Số lượt khách	110	180	200	280
	Ngày lưu trú trung bình (ngày)	1	1,5	1,5	2,0
	Tổng số ngày khách	110	270	300	560

2.3.2. Thực trạng doanh thu và các dự án đầu tư

**Doanh thu*

Theo thống kê UBND huyện Cát Hải năm 2008 doanh thu đạt trên 390 tỷ đồng, năm 2014 đạt trên 416 tỷ, năm 2018 doanh thu đạt 1.250 tỷ đồng tăng gấp 3 lần so với năm 2014. Trong đó doanh thu phần lớn tăng là do tăng doanh thu từ khách quốc tế, lượng khách có khả năng chi trả cao. Ngoài ra hoạt động du lịch còn giải quyết được hàng nghìn việc làm cho người dân trên đảo và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển như ngành xây dựng, thủy sản, giao thông vận tải, thương mại, thông tin liên lạc...

Hiện nay doanh thu từ hoạt động du lịch của Cát Bà đang có chiều hướng tăng tích cực. Tuy nhiên nguồn thu này chưa được sử dụng một cách hợp lý đặc biệt là vào công tác bảo vệ môi trường, cơ sở vật chất. Cát Bà chỉ mới tập trung xây dựng hệ thống đường xá giao thông thuận tiện để khách du lịch dễ dàng tiếp cận với đảo Cát Bà hơn. Còn việc lưu trú, cải tạo cảnh quan, đầu tư cơ sở vật chất lại chưa thể đáp ứng thỏa đáng với lượng khách đến với Cát Bà. Đây là vấn đề thuộc cơ chế chính sách mà thành phố Hải Phòng nói chung và huyện Cát

Hải nói riêng chưa thật sự quan tâm để bảo đảm cho sự phát triển bền vững của ngành kinh tế được xem là mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của mình.

**Dự án đầu tư*

Trên địa bàn huyện Cát Hải hiện có tổng số 47 dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, trong đó: 17 Dự án Thành phố cấp Giấy chứng nhận đầu tư, 06 dự án mô hình thí điểm liên doanh giữa Trung tâm dịch vụ du lịch và giáo dục môi trường của Vườn Quốc gia Cát Bà với các nhà đầu tư, 24 Dự án do huyện chấp thuận đầu tư.

Tại Cát Bà, nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất lên đến 85,37%, nguồn vốn địa phương quản lý là 3,3%; nguồn vốn thành phố đầu tư là 10,13% và do Trung ương đầu tư là 1,2% tổng nguồn vốn có tại địa phương.

Phần lớn quy mô các dự án không lớn, chưa có tính đột phá, cơ sở hạ tầng du lịch biển chưa phát triển đồng bộ và chưa theo kịp xu thế thời đại, không có khách sạn nào có buồng nguyên thủ, buồng suite có số lượng hạn chế. Đây là yếu tố khiến du lịch Cát Bà bị hạn chế sức hút đối với khách cao cấp, bỏ lỡ các cơ hội tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, khu vực tầm cỡ. Hơn nữa, số lượng khách sạn từ 3 sao trở lên trong tổng số cơ sở lưu trú quá thấp.

2.3.3. Thực trạng nguồn lao động trong ngành du lịch.

Du lịch được coi là một trong những ngành kinh tế trọng điểm của Cát Hải, đặc biệt là Cát Bà, cùng với sự phát triển của hoạt động du lịch, nguồn nhân lực cho du lịch ở đây cũng tăng lên đáng kể. Năm 2008 lượng lao động làm việc trực tiếp và gián tiếp trong ngành du lịch là khoảng 1500 người, năm 2018 khoảng 5600 người lao động.

Tuy nhiên chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ ở đây còn nhiều hạn chế, những người chủ kinh doanh khách sạn, nhà hàng ở khu vực này trình độ còn chưa cao, hơn nữa ít tham gia học hỏi kinh nghiệm nên rất yếu về giao tiếp và quản lý nhân viên phục vụ chưa đào tạo cơ bản nên năng lực còn kém, phục vụ chưa nhiệt tình, chưa chu đáo. Cát Bà thiếu trầm trọng đội ngũ hướng dẫn viên

chuyên nghiệp. Hiện nay vấn đề đào tạo bổ sung nhân lực cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên và quản lý được quan tâm nhiều hơn, số lượng cũng được bổ sung nhiều hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ chưa tương xứng với tiềm năng khu du lịch Cát Bà và lượng khách du lịch đến với đảo hàng năm.

Mặt khác, tính mùa vụ của du lịch Cát Bà cũng làm cho nhân viên rất khó chuyên nghiệp. Vào mùa hè đông khách, dù phục vụ thế nào khách vẫn ào ào kéo vào, thậm chí đoàn khách này vừa ra có ngay đoàn khách khác, họ còn tự dọn bàn ghế cho nhà hàng để có chỗ ngồi. Thực trạng này cũng diễn ra ở khu du lịch Đồ Sơn vào mùa hè khi nhiều nhà hàng thậm chí sử dụng người nhà, thân quen hoặc học sinh tranh thủ nghỉ hè để phục vụ chạy bàn, bê đồ ăn, dọn dẹp,... Rất khó để chủ cơ sở dịch vụ duy trì lượng lao động hàng chục người khi nhà hàng, khách sạn không có khách hoặc ít khách vào mùa thu đông.

Mỗi mùa vụ lại “chạy” một nơi, vào mùa thu đông, các quán đều vắng vẻ, im lìm, không khó để nhận thấy sự thưa vắng của cả khách du lịch và nhân viên các nhà hàng. Tình trạng ỉu hiu khách du lịch ở đảo Cát Bà còn điển hình hơn khi ngay cả ngày cuối tuần đường phố du lịch vắng vẻ, các nhà hàng, khách sạn trong cảnh “tối đèn”. Nhiều nhà hàng, nhà nghỉ chọn cách đóng cửa để hạn chế chi phí, nhiều nhà hàng duy trì để “nuôi quân” nhưng cũng rất ít khách qua lại. Trước tình cảnh như vậy, có đến 2/3 lực lượng lao động trong các cơ sở du lịch đi làm việc khác, đến khu vực du lịch sôi động hơn hoặc về quê làm ruộng, tìm việc thay thế. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhân lực du lịch Hải Phòng kém chất lượng, thiếu chuyên nghiệp. Đến hè năm tới, lại một lực lượng lao động mới xuất hiện. Thực tế hoạt động mùa vụ như trên rất khó để tạo dựng được đội ngũ lao động chuyên nghiệp, lành nghề trong hoạt động du lịch ở Cát Bà.

Một hạn chế khác tồn tại bấy lâu là đào tạo chưa gắn với thực tiễn của ngành Du lịch nói chung, các cơ sở kinh doanh du lịch Hải Phòng nói riêng. Theo ông Ngô Ngọc Tấn, Trưởng phòng Quản lý cơ sở lưu trú và dịch vụ du lịch (Sở Du lịch Hải Phòng), nhà nước mở lớp đào tạo, sẵn sàng bỏ chi phí, mời chuyên gia, tổ chức lớp miễn phí nhưng hiệu quả còn rất hạn chế. Ngay cả việc

huy động lao động trong các cơ sở du lịch đến học đã khó, việc họ có thực tâm tiếp thu để áp dụng trong công việc hay chỉ học chiếu lệ, mang tính đối phó lại là câu chuyện khác. Một trong những lý do giải thích việc các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hiệu quả thấp xuất phát từ chính nhu cầu của người sử dụng lao động. Nếu chủ doanh nghiệp không gắn bó, không chăm sóc và có chế độ tốt với người lao động, người lao động có tâm lý làm việc theo thời vụ.

2.3.4. Thực trạng cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng

2.3.4.1. Cơ sở hạ tầng xã hội

Có thể nói cơ sở hạ tầng xã hội là điều kiện, là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển du lịch cộng đồng tại đảo Cát Bà. Hiện nay, về cơ bản, hệ thống đường giao thông trên đảo đã hoàn thành và hoạt động khá tốt. Do đặc thù địa hình đảo Cát Bà cách xa đất liền nên khách du lịch mỗi khi đến đảo thường phải qua nhiều loại phương tiện cả đường thủy và đường bộ, do đó khoảng thời gian khách đến đảo thường mất một buổi. Chính vì lẽ đó, thành phố đã đầu tư xây dựng thêm một con đường mới dẫn vào thị trấn Cát Bà cùng với cầu Đình Vũ – Cát Hải để giúp khách du lịch có thể thuận tiện và rút ngắn quãng thời gian di chuyển.

Trên địa bàn huyện cũng có 196 phương tiện tàu, xe ô tô vận chuyển khách du lịch, trong đó 31 tàu lưu trú nghỉ đêm trên vịnh. Ô tô chở khách tại Cát Bà có các loại từ 12 chỗ - 45 chỗ, có một hãng taxi đang hoạt động với 10 chiếc xe loại 4 - 7 chỗ. Ngoài ra còn có 50 xe điện chuyên chở khách du lịch từ khu du lịch ra các bãi tắm và ngược lại... Đặc biệt sau khi có cầu Đình Vũ – Cát Hải, nhiều doanh nghiệp vận tải cũng đã chuyển sang khai thác tuyến mới Cát Bà – Hà Nội, Cát Bà – Lào Cai, Cát Bà – Nam Định... góp phần kết nối du lịch các vùng miền, tạo sự thuận tiện về giao thông cho du khách cũng như nhân dân trên đảo.

Nhờ sự nâng cấp thêm mới về tàu thuyền mà lượng khách du lịch đến Cát Bà ngày càng tăng như: tàu khách tham quan ở Quảng Ninh đưa khách tham quan Cát Bà cập bến tại Bến Bèo năm 2016 là 6.260 lượt khách, tại bến Gia Luận là 3.540 lượt khách. Ngành giao thông vận chuyển hành khách đã có nhiều

cố gắng trong việc đầu tư, mua sắm phương tiện và nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian đi lại của du khách.

Vào mùa cao điểm thì số lượng phương tiện vận chuyển ở Cát Bà có những ngày vẫn bị quá tải. Năm 2018 lượng khách đến với Cát Bà quá đông gây nên sự ùn tắc tầm trọng tại phà Gót. Các phương tiện du lịch đến đảo Cát Bà còn không có đủ bãi xe để đậu. Dẫn đến tình trạng khách du lịch đến với Cát Bà phải trong tình trạng ùn tắc hàng tiếng đồng hồ.

Với mùa cao điểm thì trong tình trạng quá tải về lưu thông còn vào mùa thấp điểm thì ngược lại. Do lượng khách đến với Cát Bà vào giai đoạn thấp điểm quá ít nên việc di chuyển lưu thông đến đảo Cát Bà dễ dàng và thuận tiện hơn. Với hệ thống các cung đường hiện đại, rộng rãi với 2 làn xe của con đường mới vào thị trấn Cát Bà, cùng với con đường cũ xuyên vườn quốc gia. Khách du lịch khi đi qua 2 con đường này sẽ phần nào thấy được cảnh sắc tuyệt vời mà thiên nhiên đã ban tặng cho đảo Cát Bà. Hứa hẹn một chuyến đi đầy hấp dẫn.

2.3.4.2. Cơ sở vật chất – kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kỹ thuật là một trong hai điều kiện để phát triển du lịch của một vùng. Nếu như cơ sở hạ tầng mang tính nền tảng cơ bản thì cơ sở vật chất – kỹ thuật lại mang tính thực tiễn và trực tiếp. Nó tạo ra sản phẩm du lịch và quyết định mức độ khai thác sản phẩm. Đây là yếu tố cơ bản có vai trò quan trọng trong việc thu hút và kéo dài thời gian lưu trú của du khách khi đến các điểm du lịch. Trong những năm gần đây, hệ thống cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ du lịch của Cát Bà đã được cải thiện đáng kể.

Hiện Cát Bà có 63 nhà hàng phục vụ du lịch, 211 cơ sở lưu trú với 3.888 phòng nghỉ, trong đó có 37 cơ sở được thẩm định xếp hạng từ 1- 4 sao. Ngoài ra còn có trên 70 hộ dân trong các khu dân cư thị trấn Cát Bà với trên 300 phòng nghỉ cho khách thuê vào những ngày đông khách. Cát Bà có 66 nhà hàng phục vụ ăn uống trong đó gồm 13 bè nổi tại khu vực thị trấn Cát Bà. Các cơ sở cung ứng dịch vụ mua sắm chủ yếu tập trung tại khu hàng lưu niệm Cát Bà với hơn 60 cửa hàng, gian hàng và chợ thị trấn Cát Bà. Ngoài ra còn các nhà hàng tại 8

khu du lịch nghỉ dưỡng biển cũng như tại các điểm du lịch cộng đồng và Khu hành chính của Vườn quốc gia Cát Bà.

Tuy nhiên vào mùa hè, những ngày cao điểm số lượng phòng vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu phòng nghỉ cho khách du lịch đến Cát Bà. Các cơ sở lưu trú đã trú trọng hơn trong việc bổ sung các trang thiết bị, nâng cấp các cơ sở lưu trú nhưng một số cơ sở dịch vụ nhà nghỉ, nhà dân kinh doanh dịch vụ lưu trú còn thiếu trang thiết bị, chất lượng phục vụ kém ảnh hưởng đến uy tín của du lịch Cát Bà. Đặc biệt phần lớn các cơ sở lưu trú chưa được đầu tư thỏa đáng theo hệ thống thu gom, xử lý nước thải, phần lớn được thải trực tiếp ra tự nhiên hoặc chỉ qua bể tự thấm. Đây là tác động đáng kể của hoạt động du lịch đến môi trường Cát Bà.

Bên cạnh đó, vào mùa cao điểm các nhà hàng phục vụ ăn uống cũng không tránh khỏi việc quá tải khách. Dẫn đến việc phục vụ và chất lượng ẩm thực còn chưa cao. Các nhà hàng vẫn đôi khi chỉ quan tâm đến số lượng khách và lợi nhuận mà bỏ đi việc chỉ có chất lượng phục vụ và chuyên nghiệp mới có thể khiến khách du lịch họ hài lòng và quay trở lại nhiều lần tiếp nữa.

Đến với Cát Bà hôm nay, chúng ta có thể cảm nhận được sự tập nập, nhộn nhịp hơn trước rất nhiều lời kết quả của quá trình đô thị hóa nhanh chóng trong những năm gần đây. Các nhà hàng, khách sạn xây rất nhiều đặc biệt là từ khi có cầu Tân Vũ- Lạch Huyện và con đường bộ thứ 2 đưa khách từ bến phà tới trung tâm thị trấn Cát Bà. Các nhà hàng, khách sạn với đủ kích cỡ kiểu dáng, loại hình lưu trú đa dạng mọc lên bám quanh khu vực thị trấn. Hầu hết là những khách sạn tư nhân được xây dựng tự phát, mạnh ai lấy làm, kỹ thuật và kiểu dáng không đồng nhất, quy mô số lượng phòng chưa cao. Quá trình xây dựng tràn lan ồ ạt, không theo quy hoạch đã tạo nên những dáng vẻ kiến trúc nháp nhô, khắp khiễng, thiếu hài hòa. Nhìn chung tất cả các khách sạn có dạng nhà ống với mặt tiền chỉ 4 – 5 m, chen chân mọc lên như những Contenner chồng xếp lên nhau mà không theo trật tự nào cả.

Hiện tượng các nhà nổi chưa có hệ thống thu gom rác thải nên các chất thải đều được đổ trực tiếp xuống vịnh, cộng thêm một số hộ dân sống trên thuyền,

hàng ngày mọi thứ sinh hoạt rác thải đều được vớt hết xuống biển, trong khi đó hệ thống thu gom rác lại không đủ để rác thải nổi trên mặt nước làm ô nhiễm cảnh quan, môi trường ảnh hưởng không nhỏ đến ấn tượng của khách du lịch.

Hoạt động của các cơ sở vui chơi giải trí như sàn nhảy nhà hàng karaoke, quán bar,... tạo những tiếng ồn lớn gây khó chịu ảnh hưởng đến giấc ngủ của người dân sống quanh khu vực cũng như cho chính du khách.

Đây là sự ồn ào, lập lập vào mùa hè của Cát Bà. Còn vào mùa đông, hầu hết các nhà hàng khách sạn tại khu vực Cát Bà nằm im lìm, bởi lượng khách du lịch đến với Cát Bà giai đoạn này không nhiều đa phần là khách quốc tế. Khách quốc tế đến với Cát Bà trong mùa thấp điểm này họ sẽ ưu tiên chọn những khách sạn, nhà hàng có chất lượng phục vụ cao, chuyên nghiệp, cơ sở vật chất hiện đại. Điều này càng làm nổi bật lên tính thời vụ tại đảo Cát Bà.

2.3.5. Hoạt động của một số tuyến, điểm du lịch

Dựa vào tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn và các điều kiện thuận lợi khác của đảo Cát Bà đã tạo nên các tuyến du lịch để khách du lịch có thể tham quan, biết nhiều hơn về đảo Cát Bà

Các tuyến du lịch chính tại Cát Bà:

- Tuyến thị trấn Cát Bà – Vườn quốc gia – Gia Luận
- Tuyến thị trấn Cát Bà – Xuân Đám – Phù Long – Cái Viêng
- Tuyến du lịch biển thị trấn Cát Bà – Vịnh Lan Hạ - Hạ Long

Xuất phát từ vườn quốc gia Cát Bà có một số tuyến như:

- Tuyến trung tâm vườn – Rừng Kim Giao
- Tuyến trung tâm vườn – động Trung Trang
- Tuyến trung tâm vườn – Ao Éch
- Tuyến trung tâm vườn – Ao Éch – làng Việt Hải – Vịnh Lan Hạ

Các điểm du lịch quan trọng và phổ biến:

-Điểm du lịch vui chơi giải trí, tắm biển: các bãi tắm Cát Cò 1, 2, 3, các bãi tắm nhỏ ở Vịnh Lan Hạ.

Hầu hết các tuyến du lịch tạo nên dựa trên sự thuận tiện đường đi của các điểm đến và chuyên về một mảng tài nguyên nhất định. Tuy nhìn vào các tuyến

du lịch, khách du lịch đã cảm nhận được phần nào về các điểm tham quan tại Cát Bà. Nhưng mặt khác các tuyến du lịch này đa phần đều là tuyến du lịch truyền thống, chưa có sự đột phá và sự thay đổi phù hợp, linh hoạt cho cả mùa cao điểm và mùa thấp điểm.

Thực tế vào mùa thấp điểm các tuyến du lịch quan trọng và phổ biến của Cát Bà lại ít khách du lịch lựa chọn. Thay vào đó họ sẽ lựa chọn các tuyến trong Vườn quốc gia. Nhưng hiện nay các tuyến trong vườn quốc gia lại quá ngắn, và chưa có sự hấp dẫn đặc biệt để khách du lịch có thể lưu tâm đến. Cát Bà có một lợi thế rất lớn về tài nguyên rừng nhưng lại chưa được đầu tư khai thác đúng với tiềm năng của nó vốn có.

Các tuyến du lịch bán chạy vào mùa đông hiện nay trên thị trường du lịch đa phần là các tuyến du lịch vùng Đông – Tây Bắc. Bởi sự hấp dẫn về cảnh quan núi rừng tự nhiên và sức hấp dẫn của các phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số. Xét về Cát Bà, yếu tố tự nhiên hoàn toàn có thể đáp không hề thua kém cảnh núi rừng Tây Bắc. Thậm chí Cát Bà còn thuận tiện về đường đi hơn rất nhiều, mà khi đến đây du khách vẫn cảm nhận được một không gian núi rừng tự nhiên – một khu dự trữ sinh quyển của thế giới.

Tiểu kết chương 2:

Trong chương 2 tác giả đã phân tích và nêu lên những tài nguyên du lịch và thực trạng du lịch tại đảo Cát Bà cũng như hiện trạng du lịch mùa thấp điểm.

Kết quả phân tích cho thấy:

-Cát Bà có một tiềm năng du lịch rất phong phú, đa dạng với hệ thống rừng, biển, đảo, sự đa dạng sinh học cao cùng với nhiều loài động thực vật đặc hữu được ghi vào trong sách đỏ thế giới như: Cây Kim Giao, Voọc đầu trắng,...

-Hoạt động du lịch tại đảo Cát Bà hiện nay có thể thấy là ngày càng phát triển và trong tương lai sẽ còn phát triển hơn nữa. Biểu hiện rõ ràng ở doanh thu đạt được và những mục tiêu đề ra qua từng năm. Hoạt động du lịch đã đóng góp một lượng lớn vào ngân sách huyện Cát Hải cũng như thành phố Hải Phòng, đồng thời cũng đã giải quyết được một số lượng lớn về việc làm cho người lao động.

-Bên cạnh đó Cát Bà cũng gặp phải vấn đề bất cập về tính thời vụ trong du lịch, tác động không hề nhỏ đến cư dân sở tại, chính quyền địa phương, khách du lịch và các nhà kinh doanh du lịch.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CÁT BÀ MÙA THÁP ĐIỂM

3.1. Xu hướng và mục tiêu phát triển

3.1.1. Xu hướng phát triển du lịch Cát Bà đến năm 2025

Phương hướng phát triển du lịch quần đảo Cát Bà đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 được thể hiện trong Quyết Định số 2732/QĐ-UBND ngày 5 – 12 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng:

- Phát triển du lịch quần đảo Cát Bà phải trở thành động lực kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng và cho phát triển du lịch ở vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc.

- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng và lợi thế so sánh về nguồn lực du lịch; tạo ra được sự khác biệt về sản phẩm du lịch để nâng cao tính cạnh tranh của du lịch quần đảo Cát Bà trong mối quan hệ gắn kết phát triển du lịch với Đồ Sơn, Hạ Long, Vân Đồn và các trung tâm du lịch khác ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ và cả nước, khu vực và quốc tế.

- Phát triển Cát Bà trở thành đảo “Ngọc Bích” nơi du khách sẽ có những trải nghiệm tốt nhất về các giá trị sinh thái - cảnh quan toàn cầu; nơi nỗ lực bảo tồn sẽ được hỗ trợ bởi những công nghệ “xanh” hiện đại và những hoạt động dựa trên nguyên tắc của du lịch bền vững mà nòng cốt là du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng.

- Phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng, đặc trưng của địa phương; ưu tiên phát triển du lịch cao cấp kết hợp hài hòa với du lịch đại chúng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và kỳ vọng của khách du lịch để tăng cường hiệu quả về kinh tế và xã hội trong phát triển du lịch.

- Bảo tồn và tôn tạo các giá trị tài nguyên. Phát triển du lịch phải chú trọng bảo tồn các giá trị mang tầm quốc tế về sinh thái, đa dạng sinh học; về cảnh quan môi trường, giá trị địa chất cũng như các giá trị di sản văn hóa, lịch sử cho phát triển du lịch bền vững ở quần đảo Cát Bà.

- Phát triển du lịch quần đảo Cát Bà phải gắn liền bảo đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3.1.2. Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2020, phần đầu thu hút khoảng 2,7 triệu lượt khách du lịch; trong đó có khoảng 1,0 triệu lượt khách du lịch quốc tế. Năm 2025, thu hút khoảng 3,7 triệu lượt khách du lịch; trong đó có khoảng 1,5 triệu khách du lịch quốc tế. Năm 2050, thu hút khoảng 10,4 triệu lượt khách du lịch; trong đó có khoảng 4,4 triệu lượt khách du lịch quốc tế.

- Số lượng cơ sở lưu trú: Xây dựng các khu lưu trú đa dạng, tập trung chủ yếu ở khu vực thị trấn Cát Bà - Cái Giá, đáp ứng nhu cầu của các thị trường khác nhau. Năm 2020, đạt khoảng 7.800 phòng; năm 2025, đạt khoảng 11.000 phòng và năm 2050, đạt khoảng 32.600 phòng.

- Tổng thu nhập từ du lịch (theo giá hiện hành): Năm 2020, đạt khoảng 126 triệu USD; năm 2025, đạt khoảng 257,5 triệu USD và năm 2050 đạt khoảng 1.670 triệu USD.

- Chỉ tiêu việc làm: Phần đầu đến năm 2020, tạo việc làm cho khoảng 11.700 lao động; năm 2025 khoảng 17.600 lao động và năm 2050 khoảng 52.100 lao động.

3.2. Một số giải pháp

Để khắc phục được tính thời vụ trong du lịch nói chung và du lịch tại đảo Cát Bà nói riêng, không phải chuyện một sớm một chiều mà nó là cả một quá trình lâu dài và cần sự góp sức của rất nhiều đối tượng liên quan. Để khắc phục điểm yếu này, các khu du lịch phải tạo nên những sản phẩm du lịch khác biệt, đồng thời tăng cường liên kết hoạt động kinh doanh du lịch với các địa phương khác.

3.2.1. Về thị trường khách du lịch

Đây là một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng trong phát triển du lịch. Qua đó giới thiệu các du khách về đất nước, con người. Đồng thời nâng cao

nhận thức của mọi người về vai trò của du lịch trong sự nghiệp phát triển đất nước. Để nhiệm vụ này hoàn thành tốt, cần phải:

+Tăng cường công tác quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, tờ rơi, cẩm nang du lịch, tạp chí..., Nêu lên những điểm hấp dẫn, đặc sắc của Cát Bà khi mùa đông đến.

+Án phẩm về bản đồ du lịch đảo Cát Bà, từng điểm du lịch, ấn phẩm chào mừng quý khách đến Cát Bà và phát hành các ấn phẩm bằng tiếng Việt phong phú đa dạng hơn vì Cát Bà đang rất cần lượng lớn khách nội địa đến với Cát Bà mùa thấp điểm

+Mở các điểm trưng bày và bán sản phẩm lưu niệm, hàng hóa, đặc sản của địa phương (nước mắm, hải sản khô, hải sản tươi sống,...) đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, tránh để tình trạng chặt chém, bán hàng giả, hàng kém chất lượng cho khách

+Thông qua các hội thi, hội chợ, lễ hội, triển lãm để giới thiệu hoạt động du lịch Cát Bà về những tháng cuối năm đến khách du lịch trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Từ đó tìm ra nguồn khách du lịch tiềm năng để có chính sách đầu tư phát triển du lịch Cát Bà hợp lý hơn.

3.2.2. Đa dạng sản phẩm du lịch

Ngoài việc ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm du lịch đặc thù, sản phẩm du lịch chất lượng cao mang đặc điểm di sản độc đáo để tạo sự khác biệt và nâng cao sức cạnh tranh của điểm đến Cát Bà, tập trung vào các loại hình du lịch: Du lịch sinh thái; du lịch tham quan, khám phá; du lịch thể thao - vui chơi giải trí; du lịch tàu biển; du lịch sự kiện; du lịch MICE; du lịch địa chất; du lịch nghiên cứu,... các sản phẩm du lịch mới, chất lượng cao: thủy phi cơ, kính khí cầu, cáp treo, du thuyền, thủy cung,...

Vào mùa thấp điểm, tập trung nhiều hơn vào khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên, đặc biệt với lợi thế đảo Cát Bà có vườn quốc gia và tài nguyên du lịch tự nhiên ở đây hết sức phong phú và đa dạng. Luôn luôn đổi mới sản phẩm

nhưng không làm phá vỡ đi tài nguyên tự nhiên vốn có để phù hợp với cả mùa thấp điểm trong du lịch tại đảo Cát Bà. Có thể phát triển một số nhóm sản phẩm vào mùa thấp điểm như:

- *Nhóm sản phẩm du lịch tham quan:*

Tham quan cảnh quan rừng chủ yếu trong khu vực vườn quốc gia; Tham quan các di tích lịch sử - văn hóa trên đảo (Pháo đài Thần công, di chỉ Cái Bèo, Thành nhà Mạc...);

- *Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái:*

+ Trải nghiệm hệ sinh thái rừng ngập nước trên địa hình núi đá vôi ở Ao Éch, trên hành trình tuyến tracking Vườn Quốc gia Cát Bà - Việt Hải; Trải nghiệm hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi: tham quan rừng Kim Giao; Đỉnh Cao Vọng, Đỉnh Mây Bàu và một số tuyến tracking; Trải nghiệm hệ sinh thái rừng ngập mặn Phù Long; Quan sát Voọc Cát Bà hiện nay chủ yếu phục vụ phân khúc thị trường rất hẹp là các nhà nghiên cứu, các nhà bảo tồn;

- *Nhóm sản phẩm du lịch cộng đồng:*

+ Tham quan phương thức nuôi trồng thủy, hải sản, trải nghiệm cuộc sống người dân và thưởng thức ẩm thực địa phương ở Phù Long; Tham quan phương thức nuôi thủy sản trên các nhà bè, trải nghiệm ẩm thực hải sản ở khu vực vịnh Cát Bà; Tham quan cuộc sống cộng đồng và tìm hiểu phương thức lao động, sản xuất (trồng cây ăn quả, nuôi ong lấy mật) ở Gia Luận; Tham quan cuộc sống cộng đồng và tìm hiểu phương thức canh tác nông nghiệp trồng lúa, trồng rau của cộng đồng ở Việt Hải; Ở tại nhà dân tại Phù Long, Việt Hải.

- *Nhóm sản phẩm du lịch thể thao, mạo hiểm, khám phá:*

Leo vách núi tại khu vực vườn quốc gia, khu vực Việt Hải và trên một số đảo nhỏ ở vịnh Lan Hạ; tổ chức cắm trại, sinh tồn trong khu vực cho phép của vườn quốc gia Cát Bà.

3.2.3. Về nguồn đầu tư

Huy động hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư phát triển quần đảo Cát Bà trở thành điểm đến du lịch biển đảo xanh hấp dẫn và có sức cạnh tranh hàng đầu ở Việt Nam và khu vực, bao gồm vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn ODA,

vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Ưu tiên thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển những sản phẩm du lịch là lợi thế, mang đặc trưng riêng của Cát Bà có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu các thị trường mục tiêu; đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng du lịch phù hợp với đặc điểm phân khu chức năng theo quy hoạch; phần vốn huy động từ các thành phần kinh tế là chủ yếu; căn cứ vào khả năng cân đối hàng năm, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần cho đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng thương hiệu, phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên, bảo vệ môi trường.

3.2.4. Quảng bá xúc tiến, liên kết phát triển du lịch

**Quảng bá xúc tiến*

Cung cấp thông tin du lịch, tổ chức các sự kiện, chương trình quảng bá du lịch, xuất bản ấn phẩm, website du lịch phong phú.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng, thông tin đối ngoại, đặt các văn phòng xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm trong nước và quốc tế, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, đặc biệt của UNESCO để xúc tiến quảng bá du lịch Cát Bà hướng mạnh vào các thị trường châu Âu và những thị trường tiềm năng châu Á như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...

+Để kích cầu du lịch, cần đưa ra chương trình giảm giá từ 15-20% vào những ngày giữa tuần, chủ động liên kết với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch giảm giá vé tham quan và vé phà vào thời gian “thấp điểm” để xây dựng tour du lịch dài ngày hơn. Các khách sạn cũng thực hiện các chương trình như: giảm giá phòng, đẩy mạnh liên kết với các đối tác nhằm giảm giá tour, tổ chức nhiều hoạt động vui chơi cho khách, đồng thời giới thiệu nhiều tour du lịch mới hấp dẫn.

**Phối hợp liên ngành, liên địa phương*

Việc liên kết du lịch giữa các lãnh thổ khác nhau cho phép khai thác lợi thế tương đối của nhau về tài nguyên du lịch, về vị trí trong giao thông, về hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực khác cho phát triển du lịch. Đây là yếu tố quan trọng để phát triển du lịch trong cơ chế thị trường khi yếu tố cạnh tranh ngày một trở nên gay gắt giữa các doanh nghiệp, giữa các chủ thể hành chính trong mỗi vùng, mỗi quốc gia và giữa các quốc gia với nhau.

+Liên kết giữa đầu tư phát triển du lịch với các ngành và lĩnh vực khác.

+Liên kết và phát triển sản phẩm du lịch với các trọng điểm phát triển du lịch phụ cận: Trung tâm thành phố Hải Phòng, Đồ Sơn, Bạch Long Vỹ, Hạ Long, Vân Đồn cũng như các điểm đến du lịch quốc gia khác của vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc.

+Liên kết phát triển thị trường với Thủ đô Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh và liên kết quốc tế.

+Liên kết quảng bá các tuyến điểm du lịch, các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển với các đơn vị kinh doanh du lịch lữ hành.

3.2.5. Hoàn thiện công tác quản trị nhân lực

Phối hợp với Sở Du lịch, các trường nghề thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kiến thức về du lịch cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch và những người lao động phục vụ trong ngành Du lịch; đồng thời gắn việc đào tạo với việc đổi kinh nghiệm, giao lưu, học hỏi với các tỉnh bạn.

- Khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ hoạt động phát triển du lịch ở quần đảo Cát Bà.

- Tổ chức điều tra xác định nhu cầu và lập kế hoạch đào tạo cụ thể đối với từng nhóm đối tượng lao động tham gia hoạt động du lịch phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch Cát Bà.

- Chủ động tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ cho đội ngũ lao động du lịch hiện có của địa phương và Vườn Quốc gia/Khu

di tích danh thắng quốc gia đặc biệt/Khu bảo tồn biển/Khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà.

- Tăng cường liên kết trong hoạt động đào tạo nhân lực du lịch Cát Bà với các trung tâm đào tạo đặc biệt là với các trường đại học có đào tạo ngành liên quan đến du lịch.

- Tranh thủ sự giúp đỡ và hỗ trợ của Tổng cục Du lịch và các tổ chức quốc tế, đặc biệt là UNESCO trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch cho Cát Bà.

- Có kế hoạch về phát triển nguồn nhân lực du lịch trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chung cho thành phố Hải Phòng.

3.3. Một số kiến nghị nhằm phát triển du lịch Cát Bà

Du lịch là một ngành phát triển dựa vào tài nguyên là chính, trong đó bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, do vậy để phát triển du lịch bền vững và giảm bớt tính thời vụ trong du lịch. Vấn đề quan trọng được đặt ra là phải có biện pháp để vừa khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ cho phát triển du lịch mùa cao điểm vừa khai thác tài nguyên có thể phục vụ du lịch trong mùa thấp điểm. Bên cạnh việc khai thác tài nguyên phải bảo vệ được môi trường sinh thái và duy trì được bản sắc văn hóa vốn có của địa phương. Chính vì vậy, việc bảo tồn các giá trị này là vô cùng quan trọng không chỉ cho hoạt động du lịch mà còn cho cuộc sống của toàn thể nhân loại.

****Đối với thành phố Hải Phòng***

Để giảm bớt tính thời vụ và hướng tới phát triển bền vững của du lịch Cát Bà, Sở du lịch Hải Phòng tiếp tục tăng cường công tác quảng bá du lịch Cát Bà. Có nhiều chính sách mở khuyến khích sự đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Đồng thời quan tâm đầu tư tôn tạo cảnh quan một số khu vực như: Cửa Vườn Quốc Gia Cát Bà, các biển chỉ dẫn, cảng du lịch Cái Bèo, bến phà Gót và bảo vệ sự đa dạng sinh học dưới biển.

**Đối với huyện Cát Hải*

- Tổ chức lập một số quy hoạch chi tiết và dự án khả thi đối với một số khu vực chức năng quan trọng có tiềm năng phát triển du lịch lâu dài nhằm thu hút, kêu gọi đầu tư.

- Bố trí nguồn vốn cho phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị và hạ tầng môi trường cho khu du lịch, lồng ghép đầu tư du lịch với đầu tư cho các lĩnh vực khác, đặc biệt là đầu tư khắc phục tính thời vụ của khu du lịch Cát Bà.

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch diễn ra trên địa bàn, thương xuyên có những cuộc kiểm tra các cơ sở vật chất, hoạt động du lịch, các tuyến điểm du lịch.

- Nâng cấp phà Gót, giảm bớt thời gian và chờ đợi của khách du lịch khi ra đảo Cát Bà

- Áp dụng các chính sách quảng bá những tuyến điểm du lịch hoạt động trong mùa thấp điểm của Cát Bà.

- Tại khu du lịch, cần đặt thêm các biển chỉ dẫn và có sự đầu tư vào các điểm du lịch một cách nghiêm túc, lâu dài

- Tích cực xây dựng các mô hình du lịch có thể phát triển được vào mùa thấp điểm như: Vườn quốc gia Cát Bà, du lịch Cộng đồng làng Việt Hải. Đồng thời dựa trên tài nguyên du lịch sẵn có, có thể phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm, khám phá: như leo núi,...

Tiểu kết chương 3:

Từ những kết quả phân tích thực trạng du lịch đảo Cát Bà mùa thấp điểm, chương 3 của khóa luận đã đề cập đến một số định hướng chính sách phát triển du lịch Cát Bà và đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế tính thời vụ của du lịch tác động đến sự phát triển du lịch Cát Bà. Góp phần phát triển du lịch tại đảo Cát Bà. Phấn đấu đến năm 2025: Vịnh Lan Hạ - Quần đảo Cát Bà được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới; Cát Bà trở thành khu du lịch mang tầm cỡ quốc tế.

KẾT LUẬN

Cát Bà là một mảnh đất giàu tiềm năng du lịch, với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nguồn tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, đặc sắc, cho phép Cát Bà phát triển nhiều loại hình du lịch, có sức thu hút đối với khách du lịch trong và ngoài nước.

Du lịch phát triển là cơ hội tạo việc làm cho hàng nghìn người lao động, nâng cao mức sống, tạo điều kiện giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đóng góp một phần lớn doanh thu vào ngân sách địa phương cũng như thành phố, đồng thời góp phần giữ gìn, bảo tồn tài nguyên có giá trị.

Tuy nhiên tính thời vụ trong du lịch là không thể tránh khỏi, một vùng du lịch bị cản trở sự phát triển bởi thời vụ trong năm sẽ dẫn đến nhiều sự chênh lệch và phát triển không bền vững. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế và cuộc sống của người dân trên đảo.

Vì vậy, để giải quyết vấn đề này không chỉ các cấp có thẩm quyền, chính quyền địa phương, cộng đồng cư dân trên đảo cần có một cách nhìn nhận và hành động cụ thể để giảm bớt tính thời vụ trong du lịch tại đảo Cát Bà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu sách, giáo trình

- Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2006.
- Luật Du lịch Việt Nam, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2005
- Trần Đức Thanh (1999), “Nhập môn khoa học du lịch”. NXB ĐHQG Hà Nội

2. Website

<http://www.tailieu.vn>

<http://haiphong.gov.vn>

www.google.com

https://www.dulichvtv.com/guide_Lich_su_le_hoi_Dao_Cat_Ba_1482.html

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-2732-QD-UBND-2014-phat-trien-du-lich-ben-vung-quan-dao-Cat-Ba-Hai-Phong-279272.aspx>

PHỤ LỤC



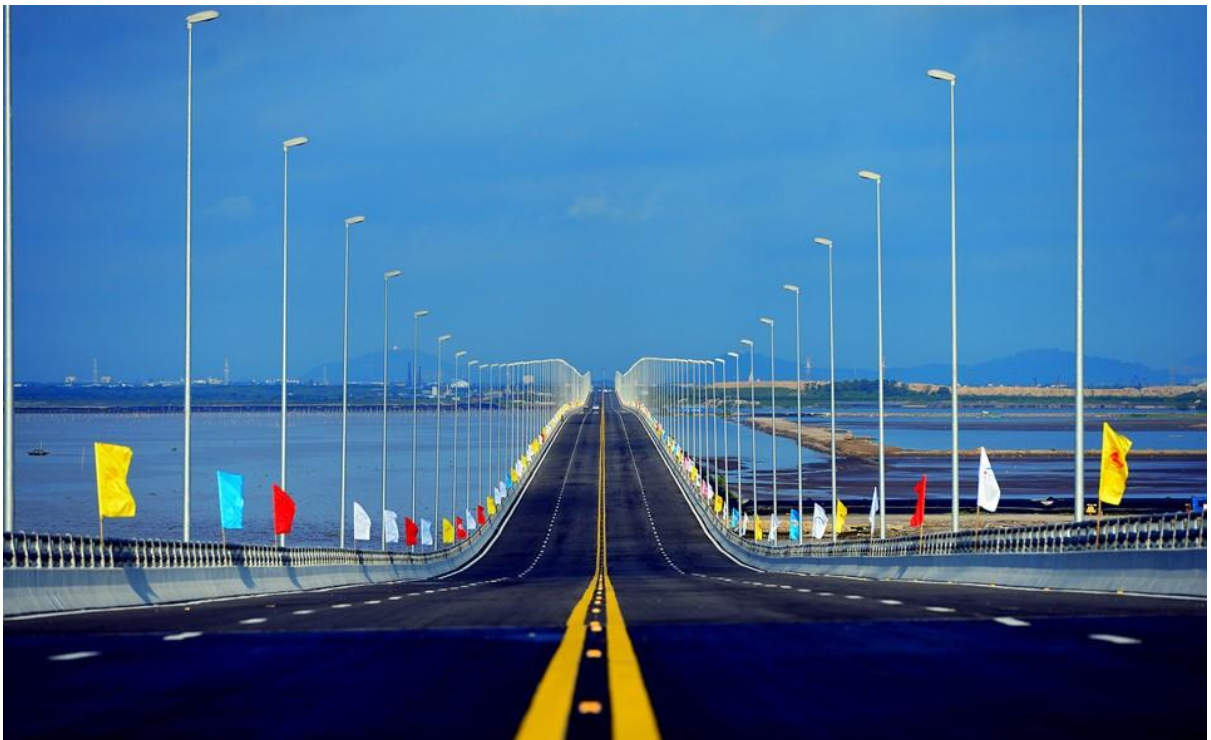
Hình ảnh trung tâm cảng thị trấn Cát Bà



Voọc đầu trắng tại Vườn quốc gia Cát Bà



Lễ hội kỉ niệm 60 năm Bác Hồ về thăm làng cá - 2019



Cầu vượt biển Tân Vũ - Lạch Huyện I



Bãi tắm Cát Cò 1 tại đảo Cát Bà



Làng Việt Hải- Cát Bà- Du lịch cộng đồng



Vịnh Lan Hạ